

Số: /GM-BVĐK

Quảng Trị, ngày 26 tháng 01 năm 2026

GIẤY MỜI

Về việc báo giá gói thầu vật tư can thiệp nội mạch (DSA) năm 2026-2028 (24 tháng) của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở xây dựng giá dự toán, giá kế hoạch mua sắm gói thầu vật tư can thiệp nội mạch (DSA) năm 2026-2028 (24 tháng) với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị
- Địa chỉ: 266 Hùng Vương, Phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Nguyễn Thị Thảo, số điện thoại: 0915 493 468
- Email: Khoaduocbvdkqt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận trực tiếp qua đường công văn, nhà thầu gửi **02 bản** theo địa chỉ: Nguyễn Thị Thảo, khoa Dược, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, 266 Hùng Vương, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; đồng thời gửi kèm file báo giá bản pdf và excel về địa chỉ email: Khoaduocbvdkqt@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá

- Từ ngày 27 tháng 01 năm 2026 đến 17h ngày 06 tháng 02 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa: phụ lục I.

Tuỳ chọn mua thêm tối đa là: 30% theo số lượng từng mặt hàng

2. Mẫu bảng báo giá: theo phụ lục II

3. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2026.

4. Địa điểm giao hàng: Tầng 1- Khu nhà G - Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị.

5. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 5-7 ngày sau khi nhận được dự trù.

6. Cam kết Công ty

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

7. Các yêu cầu khác

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp đính kèm tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật theo giấy mời báo giá (nếu có).

Đề nghị các đơn vị/nhà cung cấp quan tâm có đủ năng lực, kinh nghiệm chào giá hàng hóa theo yêu cầu nêu trên.

Giấy mời báo giá được đăng tải trên <https://muasamcong.mpi.gov.vn/> Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và website <https://quangtrihospital.vn/> của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị./. *Huor*

Nơi nhận:

- Các nhà cung cấp;
- Ban Giám đốc;
- P. TCKT;
- Lưu: VT, KD, 01.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Lâm

Phụ lục I
DANH MỤC VẬT TƯ CẦN THIẾT NỘI MẠCH (DSA) NĂM 2026-2028 (24 THÁNG)
 (Kèm theo Giấy mời số /GM-BVĐK ngày 26/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
1	Áo phẫu thuật	Cái	- Làm từ vải không dệt 5 lớp, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Ít nhất 2 x Khăn thấm 30x40cm 1 x Áo phẫu thuật size L 1 x Vải gói 50x55cm - Tiệt trùng bằng khí EO - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	5.500
2	Bộ bơm bóng	Bộ	Áp lực tối đa $\geq 30\text{atm}$, Thể tích $\geq 20\text{ ml}$. Đi kèm van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm, dụng cụ lái dây dẫn, cây đẩy, dây nối. Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE Xuất xứ: G7	500
3	Bộ bơm bóng áp lực cao	Cái	- Áp lực $\geq 35\text{atm}$ - Thể tích $\geq 30\text{ml}$ - Có van cầm máu và phụ kiện. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: Châu Mỹ	250
4	Bộ bơm bóng áp lực cao	Cái	- Áp lực $\geq 30\text{atm}$ - Thể tích $\geq 20\text{ml}$ - Vật liệu làm bằng Polycarbonate - Kèm van cầm máu chữ Y và phụ kiện - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Nước sản xuất: Các nước G7	800
5	Bộ bơm bóng áp lực	Cái	- Bơm áp lực tối đa $\geq 40\text{bar}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	100
6	Bộ bóng nong van hai lá	Bộ	Bộ bóng tối thiểu bao gồm: 1 bóng nong, 1 kim căng bóng, 1 dây dẫn đầu cong, 1 xi-lanh bơm bóng, 1 thước đo, 1 dây dẫn lái bóng. - Xuất xứ: G7 Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	40
7	Bộ đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới	Bộ	- Lưới lọc phù hợp với tĩnh mạch có đường kính tối đa $\geq 30\text{ mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	5
8	Bộ dụng cụ hút huyết khối	Bộ	Đường kính 6F-7F Kèm theo Stylet, ≥ 2 bơm tiêm $\geq 30\text{ml}$, ống nối, dụng cụ đẩy, dụng cụ lọc, khay lọc Xuất xứ: G7	20
9	Bộ dụng cụ mở đường	Cái	- Kích thước: tối thiểu có 4F, 5F, 6F, 7F - Chiều dài ống sheath $< 24\text{cm}$. Đường kính dây dẫn $\leq 0.025''$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	300
10	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi	Cái	- Chất liệu polyethylene hoặc Polypropylene - Tối thiểu có các cỡ 5F, 6F, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. - Có dây dẫn (guirewire) đi kèm làm bằng thép không rỉ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Mỹ/ Châu Âu	500
11	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	Cái	- Chất liệu polyethylene hoặc Polypropylene - Có dây dẫn (guirewire) đi kèm làm bằng thép không rỉ hoặc nitinol, đường kính $\leq 0.018''$ - Có kèm theo kim chọc mạch - Tối thiểu có các cỡ 4F, 5F, 6F mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Mỹ hoặc Châu Âu	1.000
12	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp tim mạch và ngoại biên	Cái	- Kích thước: tối thiểu có 5F đến 8F - Tối thiểu 2 kích thước chiều dài sheath khác nhau: 8cm đến 11cm - Dây dẫn dài $\geq 45\text{cm}$ - Kim trocar cỡ: 20G - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	500
13	Bộ dụng cụ thả dù bít thông liên nhĩ	Bộ	- Đường kính 6F-14F - Đầu cong 45° - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	5
14	Bộ dụng cụ thả dù đóng còng ống động mạch	Bộ	- Đường kính 6F-9F - Đầu cong 180° - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp cấp hoặc CE	10

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
15	Bộ dụng cụ thay van động mạch chủ qua đường ống thông, loại tự bung	Bộ	Khung van động mạch chủ được làm bằng chất liệu Nitinol tự nở. - Các lá van được thiết kế từ màng tim bò - Đường kính vòng van tối thiểu $\leq 23\text{mm}$, đường kính vòng van tối đa $\geq 30\text{mm}$. Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp cấp hoặc CE	2
16	Bộ kết nối 3 cổng (cửa)	Cái	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Nước sản xuất: Các nước G7	1.500
17	Bộ khăn chụp mạch vành	Bộ	Làm bằng vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp. Khả năng chống thấm cao: chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. - Xung quanh phẫu trường có lớp vải siêu thấm. - Bộ khăn gồm : 1 x Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng 150x180cm (Tấm nylon trong) 1 x Bao kính chắn chì, có thun 75x100cm 1 x Tấm phủ chắn chì 140x150cm 1 x Bao chụp đầu đèn phi 65cm 1 x Khăn lót 50x60cm 1 x Bao đựng Remote 10x26cm 1 x Khăn can thiệp mạch/ chụp mạch 240x390cm 2 lỗ đùi và 1 lỗ tay 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 200x240cm -Tiệt trùng bằng khí EO -Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	2.500
18	Bộ kit kết nối 3 cổng (cửa)	Bộ	- Bộ phận kết nối Manifold chất liệu Polycarbonate. Gồm: + 1 ống tiêm + 2 dây truyền dịch + 1 dây nối áp lực - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	2.000
19	Bộ lấy lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới	Bộ	- Sheath có đường kính tối thiểu $\geq 9\text{F}$, chiều dài $\geq 550\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	3
20	Bộ máy tạo nhịp 3 buồng	Bộ	- Thân máy: + Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, tương thích MRI toàn thân 1.5T và 3.0T. + Có nhịp thích ứng CLS giúp giảm rung nhĩ (hoặc công nghệ tương đương). + Có kết nối wireless, chương trình theo dõi từ nhà. + Đo trở kháng lồng ngực để theo dõi phù phổi. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp.	2
21	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng	Bộ	- Thân máy: + Máy tạo nhịp 1 buồng tương thích MRI $\geq 1.5\text{T}$. + Thời gian hoạt động trên ≥ 14 năm. + Chương trình điều chỉnh biên độ xung và nhận cảm tự động. - Dây điện cực: có lớp phủ fractal Iridium (hoặc công nghệ tương tự) trên các điện cực giúp giảm ngưỡng tạo nhịp. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	30
22	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng	Bộ	- Máy tạo nhịp tim 2 buồng, đáp ứng tần số - Cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T, không giới hạn vùng chụp, thời gian chụp - Có chức năng đưa ra lập trình thông số dựa trên tình trạng bệnh nhân (Tình trạng tâm nhĩ, dẫn truyền AV) - Sử dụng dây điện cực chuyên dụng His/bó nhánh trái - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	10
23	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng	Bộ	- Bộ máy tạo nhịp 2 buồng và có hệ thống ống thông chuyên dụng để đưa điện cực tạo nhịp vào vùng hệ thống đường dẫn truyền trong tim gồm: 01 thân máy, 02 dây điện cực, 02 dụng cụ mở đường và 01 bộ ống thông chuyên dụng. - Cho phép chụp MRI toàn thân - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay hoặc phát hiện tự động từ trường MRI - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	30

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
24	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng	Bộ	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số - Cho phép chụp MRI toàn thân. Tương thích MRI 1.5T và 3T - Có kết nối không dây bằng sóng RF - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị hoặc phát hiện tự động từ trường MRI - Lưu điện tâm đồ trong buồng tim - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	10
25	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng	Bộ	Máy tạo nhịp tim 2 buồng đáp ứng tần số bao gồm: - Thân máy chính: 01 cái. - Phụ kiện: + Kim chọc mạch: 02 cái. + Dây điện cực: 02 cái. - Thể tích máy $\leq 13\text{cc}$, trọng lượng $\leq 30\text{gram}$ - Có tính năng ổn định nhịp thất khi có AT/AF - Có tính năng giảm tạo nhịp thất không cần thiết. - Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T. - Tuổi thọ pin trung bình ≥ 11 năm - Đạt tiêu chuẩn: CE hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	10
26	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng	Bộ	- Thân máy: + Máy tạo nhịp hai buồng nhịp thích ứng. Tương thích MRI 1.5T và 3.0T. + Thời gian hoạt động trên 11 năm. + Có chương trình giảm tạo nhịp ở thất. + Chương trình điều chỉnh biên độ xung và nhận cảm tự động. - Dây điện cực: có lớp phủ fractal Iridium trên các điện cực giúp giảm ngưỡng tạo nhịp. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	10
27	Bộ máy tạo nhịp phá rung 1 buồng	Bộ	- Bộ máy tạo nhịp phá rung ICD 1 buồng (gồm 1 thân máy, 1 dây điện cực sốc, 1 introducer) - Thời lượng pin trung bình ≥ 8 năm - Tương thích MRI toàn thân 1,5T hoặc 3T - Chuẩn kết nối DF4 - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	3
28	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ CRT-P	Bộ	- Bộ máy tạo tái đồng bộ tim 3 buồng (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 1 dây điện cực thất trái, 3 introducer) - Tương thích chụp cộng hưởng từ MRI toàn thân - Tương thích dây thất trái 4 điện cực - Chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	3
29	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng	Bộ	Bộ máy tạo nhịp tim loại 2 buồng (gồm: 1 thân máy chính, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 kim dò tĩnh mạch và bộ dụng cụ hỗ trợ đặt điện cực nhánh trái) - Chương trình giảm tạo nhịp thất không cần thiết - Tương thích MRI 1.5T và 3T - Có kết nối không dây bằng sóng RF - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	15
30	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng	Bộ	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer) - Cho phép chụp MRI toàn thân - Có chức năng đưa ra lập trình thông số dựa trên tình trạng bệnh nhân. - Tự động nhận cảm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	10

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
31	Bộ máy tạo nhịp tim vĩnh viễn và phụ kiện (01 buồng và khử rung tim)	Bộ	-Tạo nhịp và khử rung tim, 1 buồng, chuẩn DF4. - Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp - Có chức năng đưa ra các cài đặt thông số lập trình máy dựa theo tình trạng bệnh nhân. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	3
32	Bộ nối chữ Y	Bộ	Đi kèm van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm, dụng cụ lái dây dẫn, cây đẩy. Xuất xứ: G7	100
33	Bộ stent graft cho động mạch chủ bụng	Cái	Bộ gồm 3 miếng, miếng thân chính có 2 lớp gai đầu gần giúp cố định vị trí stent, tránh trôi stent ngay cả những vùng giải phẫu gấp góc. Chất liệu: Stent: Nitinol, Graft: Polyester Hệ thống đưa stent phủ lớp ái nước hydrophilic. * Miếng thân chính: - Đường kính thân chính: nằm trong khoảng từ 20mm đến 40 mm. - Độ dài thân chính: nằm trong khoảng từ 80mm đến 120mm. * Miếng ghép phụ: Các gai đầu tròn bên trong 2 ống stent phân nhánh giúp giữ miếng stent phụ không bị trôi - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	5
34	Bộ stent graft cho động mạch chủ ngực	Cái	Stent graft cho động mạch chủ ngực - Chất liệu: Stent: Nitinol; Graft: Polyester - Đầu gần phủ hoặc không phủ graft - Có thanh kim loại chạy dọc trên lưng giúp stent không bị gấp theo thời gian. - Kích cỡ: - Đường kính của Stent nằm trong khoảng từ 22mm đến 46mm. - Chiều dài của stent nằm trong khoảng từ 100mm đến 250mm (có ít nhất 4 cỡ chiều dài) - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	4
35	Bộ stent graft cho động mạch chủ ngực nối dài	Cái	Stent graft cho động mạch chủ ngực - Chất liệu: Stent: Nitinol; Graft: Polyester - Có thanh kim loại chạy dọc trên lưng - Kích cỡ: Đường kính của Stent nằm trong khoảng từ 20mm đến 50mm. - Chiều dài của stent nam trong khoảng từ 100mm đến 200mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	4
36	Bộ stent graft nối dài cho động mạch chậu hoặc miếng cuff dự phòng trường hợp endoleak type I	Cái	Chất liệu: Stent: Nitinol, Graft: Polyester - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	4
37	Bộ thay van động mạch chủ qua da, van được nở bằng bóng.	Bộ	Bộ thay van động mạch chủ qua da, van được nở bằng bóng. - Khung bằng chất liệu hợp kim Cobalt. - Các lá van làm từ màng tim bò. - Kích thước: Tối thiểu gồm các kích thước 20, 23, 26, 29(mm). - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	2
38	Bơm tiêm thuốc cân quang	Cái	- Bơm tiêm thuốc cân quang thể tích 1 ml, 3 ml, 6 ml, 10 ml, 20 ml	1.000
39	Bông cầm máu tiết trùng size L	Cái	Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	500
40	Bông cầm máu tiết trùng size M	Cái	Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	2.000

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
41	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ	Cái	- Đường kính bóng nằm trong khoảng từ 20mm đến 40mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	10
42	Bóng nong (balloon) mạch vành	Cái	- Chất liệu Comax II hoặc Pebax hoặc Nylon - Đường kính: tối thiểu 2.0mm, tối đa ≥ 4.0 mm. Chiều dài từ 10mm đến 30mm - Profile qua tổn thương ≤ 0.016 inch - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	100
43	Bóng nong cầu nối động tĩnh mạch phủ thuốc	Cái	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	20
44	Bóng nong đo lỗ thông liên nhĩ	Bộ	- Đường kính bóng: nằm trong khoảng từ 18mm đến 34mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	10
45	Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc	Cái	- Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Sirolimus, hàm lượng thuốc $1.25 \pm 0.3 \mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Đường kính bóng: từ 1.5mm đến 12mm. - Chiều dài bóng: từ 20mm đến 200mm. - Dây dẫn tương thích: 0.014" hoặc 0.018" hoặc 0.035". Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	60
46	Bóng nong động mạch vành	Cái	- Tiết diện thâm nhập đầu xa $\leq 0,017"$. - Phủ lớp ái nước - Có đường kính: tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$; tối đa $\geq 6.0\text{mm}$ - Có chiều dài: tối thiểu $\leq 6\text{mm}$; tối đa $\geq 30\text{mm}$. - Chiều dài catheter $\geq 140\text{cm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	70
47	Bóng nong động mạch vành	Cái	- Đường kính vượt qua tổn thương $\leq 0.66\text{mm}$ - Chất liệu bóng: Pebax, phủ lớp ái nước - Có vạch đánh dấu chắn xạ Platinum iridium - Đường kính tối thiểu $\leq 1.2\text{mm}$; tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài tối thiểu $\leq 8\text{mm}$; tối đa $\geq 30\text{mm}$. - Chiều dài catheter $\geq 140\text{cm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: Châu Á/ Châu Âu	70
48	Bóng nong động mạch vành	Cái	- Độ dài trực: $\geq 143\text{cm}$ - Áp lực tham chiếu: $\geq 6\text{atm}$ - Áp lực tối đa: $\geq 12\text{atm}$ - Lớp phủ ái nước - Bóng làm bằng chất liệu Polyamide hoặc Pebax - Kích thước bóng + Đường kính bóng: từ 1.0mm đến 4.0mm + Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 5\text{mm}$; chiều dài bóng tối đa $\geq 40\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	200
49	Bóng nong động mạch vành	Cái	- Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường. - Áp lực định danh: $\geq 6\text{atm}$. - Áp lực tối đa: $\geq 12\text{atm}$. - Đường kính đầu bóng (Entry Tip): $\leq 0.017"$ - Đường kính đoạn gần: $\leq 2.3\text{F}$ - Đường kính bóng: tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$. - Chiều dài bóng: tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$. - Cho phép thực hiện thủ thuật "kissing balloon" bằng 2 bóng chỉ với ống thông can thiệp 6F. - Xuất xứ: G20	300
50	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Cái	- Bóng áp lực cao, Áp suất NP $\geq 12\text{atm}$. Áp suất RBP $\geq 19\text{atm}$ - Catheter dài $\geq 140\text{cm}$. Phủ lớp ái nước. - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.5\text{mm}$. Dài tối thiểu $\leq 6\text{mm}$ đến tối đa $\geq 20\text{mm}$. - Xuất xứ: Châu Âu - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	200

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
51	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Cái	- Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Đường kính bóng tối thiểu ≤ 2.0 mm, tối đa ≥ 5.0 mm - Chiều dài bóng tối thiểu ≤ 8 mm, tối đa ≥ 20 mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 18 atm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	200
52	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Cái	- Số điểm định vị bóng: ≥ 2 điểm - Áp lực tham chiếu: ≥ 12 atm - Áp lực tối đa: ≥ 20 atm - Lớp phủ ái nước: Hydrophilic - Kích thước của bóng: + Đường kính bóng từ 2.0mm đến 5.0mm + Chiều dài bóng tối thiểu ≤ 6 mm; chiều dài bóng tối đa ≥ 27 mm. - Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	300
53	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Cái	- Áp suất định danh ≥ 12 atm, áp suất vỡ bóng ≥ 20 atm - Đường kính bóng tối thiểu ≤ 2 mm; đường kính bóng tối đa ≥ 5.0 mm. - Chiều dài bóng tối thiểu ≤ 6 mm; chiều dài bóng tối đa ≥ 26 mm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	200
54	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	Cái	-Bóng nong mạch vành áp lực thường Áp suất danh định ≥ 8 atm Áp suất vỡ bóng ≥ 14 atm Đường kính đầu xa: ≥ 0.89 mm Đường kính đầu gần: ≤ 0.76 mm Hai điểm đánh dấu chất liệu Platinum iridium Đường kính bóng tối thiểu ≤ 1.0 mm; đường kính bóng tối đa ≥ 4 mm. Chiều dài bóng tối thiểu ≤ 5 mm; chiều dài bóng tối đa ≥ 40 mm. Đường kính đầu vào : ≥ 0.016 " Chiều dài của hệ thống bóng là: ≥ 1400 mm	200
55	Bóng nong động mạch vành các cỡ	Cái	- Có phủ lớp ái nước - Khẩu kính thâm nhập ≤ 0.016 " - Áp suất định danh ≥ 6 atm, áp suất vỡ bóng ≥ 14 atm - Đường kính bóng tối thiểu ≤ 1 mm; đường kính bóng tối đa ≥ 4.0 mm. - Chiều dài bóng tối thiểu ≤ 5 mm; chiều dài bóng tối đa ≥ 30 mm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	100
56	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	Cái	- Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao. - Áp lực gây vỡ bóng ≥ 20 atm. - Đường kính bóng: tối thiểu ≤ 2.5 mm, tối đa ≥ 5.0 mm. - Chiều dài bóng: tối thiểu ≤ 10 mm, tối đa ≥ 20 mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE. Xuất xứ: Châu Âu hoặc Châu Á	400
57	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	Cái	-Bóng nong động mạch vành phủ thuốc paclitaxel đa lớp, giải phóng thuốc từ 30-60 giây Đường kính tối thiểu ≤ 1.5 mm, tối đa ≥ 4.0 mm. Độ dài bóng từ ≤ 10 mm đến ≥ 40 mm. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	40
58	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	Cái	-Bóng nong động mạch vành phủ thuốc Paclitaxel hoặc Sirolimus - Hàm lượng thuốc: $\leq 2.2\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Đường kính bóng tối thiểu ≤ 1.5 mm; đường kính bóng tối đa ≥ 4.0 mm. - Chiều dài bóng tối thiểu ≤ 10 mm; chiều dài bóng tối đa ≥ 40 mm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Âu/ Châu Mỹ"	70

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
59	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	Cái	- Bóng phủ thuốc Paclitaxel, chất mang Acetyl Tributyl Citrat hoặc phủ trực tiếp bề mặt bóng - Đường kính tối thiểu $\leq 2,0\text{mm}$, tối đa $\geq 4,0\text{mm}$. - Chiều dài tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	70
60	Bóng nong mạch vành	Cái	- Chất liệu: Polyamide resin. Tráng phủ ái nước - Khẩu kính đầu xa (entry profile): $\leq 0.50\text{mm}$ - Khẩu kính bóng (crossing profile): $\leq 0.86\text{mm}$ - Có đường kính bóng tối thiểu từ $\leq 1.5\text{mm}$; tối đa $\geq 4.5\text{mm}$ - Có chiều dài tối thiểu từ $\leq 8\text{mm}$; tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE. - Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	100
61	Bóng nong mạch vành	Cái	-Áp suất nổ (vỡ) định mức $\geq 14\text{atm}$. -Đường kính đầu vào $\leq 0,017"$. -Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1,5\text{mm}$; đường kính bóng tối đa $\geq 4\text{mm}$. -Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$; chiều dài bóng tối đa $\geq 40\text{mm}$ -Chiều dài ống thông $\leq 135\text{cm}$. Có điểm đánh dấu bóng: Platinum/Iridium - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE -Xuất xứ Châu Âu hoặc G7	100
62	Bóng nong mạch vành	Cái	- Chất liệu: Polyamide resin hoặc Pebax. Tráng phủ ái nước - Khẩu kính đầu xa (entry profile): $\leq 0.40\text{mm}$ - Khẩu kính bóng (crossing profile): $\leq 0.60\text{mm}$ - Có đường kính tối thiểu $\leq 1.0\text{mm}$; tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Có chiều dài bóng tối thiểu $\leq 6\text{mm}$; tối đa $\geq 30\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE. - Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	80
63	Bóng nong mạch vành	Cái	- Chất liệu: Polyamide resin. Tráng phủ ái nước - Khẩu kính đầu xa (entry profile): $\leq 0.40\text{ mm}$ - Khẩu kính bóng (crossing profile): $\leq 0.55\text{mm}$ - Có đường kính bóng tối thiểu ≤ 1.0 ; tối đa $\geq 3.5\text{mm}$. - Có chiều dài bóng tối thiểu $\leq 5\text{mm}$; tối đa $\geq 30\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	100
64	Bóng nong mạch vành	Cái	- Chất liệu: Polyamide resin. Tráng phủ lớp ái nước - Khẩu kính đầu xa (entry profile) $\leq 0.50\text{ mm}$. - Khẩu kính bóng (crossing profile): $\leq 0.85\text{mm}$ - Có đường kính bóng tối thiểu $\leq 2\text{mm}$; tối đa $\geq 4.5\text{mm}$ - Chiều dài vai bóng $\leq 1.5\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc PMDA hoặc CE - Xuất xứ: G7	100
65	Bóng nong mạch vành	Cái	-Hệ thống 3 dây (gồm 2 dây nitinol + dây dẫn 0.014" thường quy) hoặc 3 lưỡi dao - Đường kính: tối thiểu $\leq 2\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	50
66	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cái	- Áp lực tối đa (RBP): $\geq 24\text{atm}$. Thiết kế đầu tip thuôn sát (Sub-zero tip). - Tiết diện thâm nhập đầu xa (hoặc tip entry profile): $\leq 0.0169\text{inch}$. - Có đường kính tối thiểu $\leq 2\text{mm}$; tối đa $\geq 5.0\text{ mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Âu	200
67	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cái	Bóng nong động mạch vành áp lực cao, áp lực gây vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Có đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$; tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: Châu Mỹ/ Châu Âu	300

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
68	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cái	Bóng nong áp lực cao, chất liệu: Pebax/ Grilamid hoặc Polyamide Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 6.0\text{mm}$ Chiều dài tối thiểu $\leq 6\text{mm}$, tối đa $\geq 25\text{mm}$ Áp suất vỡ bóng (RBP): $\geq 18\text{atm}$. Có 2 điểm đánh dấu Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE. Xuất xứ: Châu Âu hoặc Châu Mỹ	300
69	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cái	- Bóng nong mạch vành áp lực cao - Đường kính thân xa: $\leq 0.9\text{mm}$ - Đường kính thân gần: $\leq 0.72\text{mm}$ Đường kính đầu vào của catheter (Entry Tip profile): $\leq 0.016''$ Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$; đường kính bóng tối đa 5.0mm . Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 8\text{mm}$; chiều dài bóng tối đa $\geq 40\text{mm}$. Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp.	300
70	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cái	-Bóng áp lực cao, Áp suất NP $\geq 12\text{bar}$. Áp suất RBP $\geq 18\text{bar}$ - Khẩu kính xâm nhập tổn thương $\leq 0.40\text{mm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$, tối đa $\geq 4.5\text{mm}$. - Độ dài bóng tối thiểu $\leq 6\text{mm}$, tối đa $\geq 25\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	300
71	Bóng nong mạch vành áp lực cao các cỡ	Cái	Bóng nong mạch vành áp lực cao Vai bóng $\leq 0.6\text{mm}$ Khẩu kính thâm nhập $\leq 0.016''$ Áp suất định danh $\geq 12\text{atm}$. Áp suất vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$. Có đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$; tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ Dài tối thiểu $\leq 6\text{mm}$, tối đa $\geq 15\text{mm}$ Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	150
72	Bóng nong mạch vành áp lực cao các cỡ	Cái	- Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao. - Chất liệu Nylon hoặc Pebax - Có áp lực trung bình $\geq 12\text{atm}$, áp lực gây vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$. - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, đường kính bóng tối đa $\geq 5.0\text{mm}$. - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 8\text{mm}$, chiều dài bóng tối đa $\geq 30\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	200
73	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính đầu vào nhỏ	Cái	- Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax - Đường kính đầu vào (entry profile): $\leq 0.0155''$ - Có đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$; tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ - Có chiều dài bóng tối thiểu $\leq 8\text{mm}$; tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Áp lực gây vỡ bóng (RBP): $\geq 20\text{atm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp. - Xuất xứ: G20	100
74	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Cái	- Thiết kế đầu tip thuận sát (Sub-zero tip) - Tiết diện thâm nhập đầu xa (hoặc tip entry profile): $\leq 0.017\text{ inch}$. - Có đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.25\text{mm}$; tối đa $\geq 4.0\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Âu	300
75	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Cái	Chất liệu Pebax, phủ lớp ái nước, đa lớp Đầu vào (Tip): $\leq 0.017''$ Tiết diện nong bóng (Crossing Profile): $\leq 0.023''$ Áp lực vỡ bóng tối đa: $\geq 14\text{atm}$ Có chiều dài tối thiểu $\leq 6\text{mm}$; tối đa $\geq 30\text{mm}$. Thiết kế ≥ 3 nếp gấp Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE Xuất xứ: Châu Âu/Châu Mỹ	50
76	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Cái	Chất liệu Pebax, phủ lớp ái nước Đầu vào (Tip): $\leq 0.017''$ Tiết diện nong bóng: $\leq 0.021''$ Áp lực vỡ bóng tối đa: $\geq 14\text{atm}$ Có đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.2\text{mm}$; tối đa $\geq 2.0\text{mm}$. Có chiều dài tối thiểu $\leq 6\text{mm}$; tối đa $\geq 30\text{mm}$. Thiết kế ≥ 3 nếp gấp Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE Xuất xứ: Châu Âu hoặc Châu Mỹ	50

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
77	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Cái	- Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax - Đường kính đầu vào (entry profile): $\leq 0.0155"$ - Có đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$; tối đa $\geq 4\text{mm}$ - Chiều dài bóng nằm trong khoảng từ 6mm đến 40mm - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$, áp lực tối đa $\geq 12\text{atm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp. - Xuất xứ: G20	50
78	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi	Cái	- Bóng nong động mạch vành áp lực thường Chất liệu Polyamide - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Khẩu kính đầu vào (Tip entry profile) $\leq 0.017"$ - Đường kính thân gần catheter: $\leq 2.1\text{F}$ - Đường kính thân xa catheter: $\leq 2.6\text{F}$ - Chiều dài hệ thống: $\leq 138\text{cm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	80
79	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi	Cái	Áp suất danh định (nominal pressure/NP) $\geq 11\text{atm}$. Áp suất nổ (vỡ) định mức (rated burst pressure/RBP) $\geq 21\text{atm}$. Có lớp siêu ái nước, có rãnh nổi hoặc điểm nổi trên thân bóng Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.5\text{mm}$; đường kính bóng tối đa $\geq 4\text{mm}$. Chiều dài ống thông $\geq 135\text{cm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ Châu Âu hoặc G7	80
80	Bóng nong mạch vành chống trượt	Cái	- Gắn tối thiểu 1-3 thành tổ dọc theo bên ngoài bóng chất liệu Nylon hoặc kim loại. Chiều cao các thành tổ $\leq 0.0155\text{inch}$. Có ≥ 3 nếp gấp Phù lớp ái nước Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{Atm}$ Có đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$; tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ Xuất xứ: G7	100
81	Bóng nong mạch vành có dao cắt	Cái	- Bóng nong mạch vành có dao cắt - Có đường kính tối thiểu từ $\leq 2.50\text{mm}$; tối đa $\geq 4.00\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp. - Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	50
82	Bóng nong mạch vành có gắn dao cắt	Cái	Bóng nong mạch vành có gắn 3 lưỡi dao bằng hợp kim Nitinol hoặc kim loại siêu nhỏ gắn theo chiều dọc bề mặt bóng. - Chiều cao lưỡi dao $\leq 0.21\text{mm}$ - Khẩu kính thâm nhập $\leq 0.017"$ - Đường kính tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$, - Chiều dài tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 15\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	30
83	Bóng nong mạch vành có phủ thuốc	Cái	-Bóng nong động mạch vành áp lực cao phủ thuốc paclitaxcel, nồng độ $\geq 3.0\mu\text{g}/\text{mm}^2$. Áp suất NP $\geq 10\text{atm}$. Áp suất RBP $\geq 16\text{atm}$ - Catheter dài $\geq 150\text{cm}$. Phù lớp ái nước. - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 3.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.5\text{mm}$. Dài tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Xuất xứ: Châu Âu hoặc Châu Mỹ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	40
84	Bóng nong mạch vành dây dẫn kép	Cái	- Có hệ thống dây dẫn kép hoặc dao cắt, chất liệu bằng Nitinol hoặc kim loại. - Có đường kính tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$; tối đa $\geq 4.0\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Âu	200
85	Bóng nong mạch vành loại áp lực siêu cao	Cái	- Áp suất nổ (vỡ) định mức (rated burst pressure/RBP) $\geq 28\text{bar}$. - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.5\text{mm}$. Chiều dài tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Xuất xứ: Châu Âu - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	100

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
86	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	Cái	- Chất phủ: Paclitaxel với hàm lượng $3.5 \pm 0.5 \mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Loại tá dược: Urê hoặc iopromide, cho phép phân bố thuốc phủ nhanh chóng trong vòng 30–60 giây - Có đường kính bóng: tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$; tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng: tối thiểu có $\geq 25\text{mm}$ - Chiều dài ống thông hiệu dụng: $\geq 140\text{cm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	70
87	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	Cái	- Phủ thuốc Paclitaxel hàm lượng $3.0 \pm 0.2 \mu\text{g}/\text{mm}^2$ được hấp thu trên hợp chất hữu cơ kị nước Butyryl-tri-hexyl citrate (BTHC) - Tiết diện thâm nhập đầu tip (tip entry profile): $\leq 0.017''$ - Nếp gấp bóng: ≥ 3 nếp gấp - Có đường kính tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$; tối đa $\geq 4.0\text{mm}$, - Có độ dài bóng nằm trong khoảng 10mm đến 40mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	40
88	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	Cái	- Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu bóng: Polyamide / Nylon / Pebax - Hàm lượng thuốc : $1.0 \pm 0.3 \mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Kích thước bóng: + Đường kính: tối thiểu $\leq 2\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ (tối thiểu có đủ các đường kính: 2.00mm, 2.25mm, 2.50mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.50mm, 4.00mm) + Chiều dài: tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 40\text{mm}$ (tối thiểu có đủ các chiều dài: 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 40mm) - Tiết diện đầu vào của bóng $\leq 0.016''$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G20	50
89	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	Cái	- Bóng nong động mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Lượng thuốc phủ: Paclitaxel $\leq 3 \mu\text{g}/\text{mm}^2$; chất mang Iopromide - Có đường kính tối thiểu $\leq 2.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Có chiều dài tối thiểu $\leq 10\text{mm}$; tối đa $\geq 40\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Nhóm G7	50
90	Bóng nong tĩnh mạch ngoại biên	Cái	- Hai điểm đánh dấu phóng xạ. - Áp lực vỡ bóng (tối đa): $\geq 18\text{atm}$. - Kích thước: - Chiều dài bóng tối thiểu có các cỡ: 20mm; 40mm; 60mm - Đường kính nằm trong khoảng 10mm đến 30mm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	50
91	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	Cái	- Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất mang thuốc có cấu tạo lipid - Áp lực tối đa: $\geq 12\text{atm}$; Áp lực bơm bóng: $\geq 6\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0 \text{ mm}$ - Chiều dài bóng: tối thiểu $\leq 10\text{mm}$; tối đa $\geq 40\text{mm}$ - Chiều dài khả dụng: $\geq 140\text{cm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Á hoặc Châu Âu	30
92	Catheter dẫn hướng đưa dây điện cực tạo nhịp vào hệ thống dẫn truyền	Cái	- Catheter hỗ trợ đưa dây điện cực tạo nhịp vào hệ thống dẫn truyền, gồm có: catheter; que nong; dây dẫn 0,035"; dao cắt; - Được tích hợp van cầm máu - Chiều dài $\geq 42\text{cm}$ - Kiểu cong: nhỏ; trung bình và lớn; - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp.	5

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
93	Catheter hút huyết khối mạch vành các cỡ	Cái	- Lớp phủ ái nước Hydrophilic Coating - Có 2 kích cỡ: 6F và 7F - Kiểu đầu ngắn và bo tròn - Đường kính trong, diện tích lòng ống đoạn xa tương ứng của: + Loại 6F: $\geq 1.00\text{mm}$; $\geq 0.78\text{ mm}^2$ + Loại 7F: $\geq 1.25\text{mm}$; $\geq 1.23\text{ mm}^2$ - Các bộ phận khác đi kèm: xylanh 30 ml có khóa, dây nối có khóa 2 chiều, màng lọc máu. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp cấp hoặc MHLW - Xuất xứ: G7	20
94	Dây dẫn can thiệp mạch máu	Cái	Chất liệu lõi Nitinol, phủ lớp ái nước Đường kính 0.014", chiều dài 190cm, 300cm. Đầu cong chữ J, đầu thẳng, bền, chịu lực 0.7g Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE Xuất xứ G7	100
95	Dây dẫn can thiệp mạch máu	Cái	Chất liệu lõi Nitinol hoặc thép không gỉ, phủ lớp ái nước Đường kính 0.014", chiều dài 190cm. Đầu cong chữ J, đầu thẳng, bền, chịu lực 0.8g. Thiết kế đầu liền thân Tiêu chuẩn chất lượng: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE Xuất xứ G7	100
96	Dây dẫn can thiệp mạch vành (Chất liệu nền thép không gỉ bọc Polymer toàn thân, phủ lớp ái nước.)	Cái	Chất liệu nền thép không gỉ bọc Polymer toàn thân, phủ lớp ái nước Thiết kế đầu đầu liền thân Lực tải đầu (Tip load): trong khoảng 1.0g - 1.5g Kiểu đầu (Tip shape): đầu thẳng hoặc cong chữ J Đường kính ngoài: 0.014". Độ dài: 190cm, 300cm. Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE Xuất xứ: G7	100
97	Dây dẫn can thiệp tim	Cái	- Cấu tạo trực với công nghệ nối trực tiếp, không mối hàn - Kích thước của dây dẫn đường cho bóng và khung giá đỡ động mạch + Đường kính: 0.014" + Chiều dài dây dẫn nằm trong khoảng 180cm đến 300mm + Chiều dài phần đầu cân quang: 3cm - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài $\geq 25\text{cm}$ - Vật liệu: + Phần lõi: Nickel - Titanium + Lớp cuộn: Platinum và thép không gỉ - Đầu gần được đánh dấu hoặc không giúp dễ phân biệt loại dây dẫn. - Tiêu chuẩn FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW - Xuất xứ: G7	1.300
98	Dây dẫn chẩn đoán	Cái	- Dây dẫn làm bằng thép không gỉ bao lớp PTFE - Đường kính 0.035" hoặc 0.038". Độ dài $\geq 150\text{cm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	500
99	Dây dẫn dùng trong can thiệp tim mạch	Cái	- Lõi chất liệu Linear Elastic Nitinol hoặc Nitinol, phủ ái nước Hydrophilic - Có 2 kiểu đầu: thẳng và J. Chiều dài: $\geq 180\text{cm}$ - Đường kính 0.014" - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: Châu Mỹ	300
100	Dây dẫn đường can thiệp tim bẩm sinh	Cái	- Chất liệu thép không gỉ với lớp phủ PTFE bên ngoài - Đầu tip dạng J - Đường kính 0.035" - Chiều dài có các cỡ 260cm hoặc 300cm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	50

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
101	Dây dẫn đường cho Catheter	Cái	* Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten - Lớp phủ ái nước. * Hình dạng đầu tip: thẳng gấp góc và cong chữ J * Kích thước: - Chiều dài: 150 ± 5 cm - Đường kính ngoài: 0.035" * Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW * Xuất xứ: Châu Á hoặc Châu Mỹ	1.500
102	Dây dẫn đường cho Catheter	Cái	* Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol. - Lớp phủ ái nước. * Hình dạng đầu tip: thẳng, gấp góc và cong chữ J * Kích thước: - Chiều dài: ít nhất có chiều dài 260 cm - Đường kính ngoài: 0.035" * Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW * Xuất xứ: ASEAN	700
103	Dây dẫn đường cho catheter	Cái	- Lõi dây làm bằng hỗn hợp Ni-Ti, Polyurethane, phủ ái nước Hydrophilic - Có marker định vị - Chiều dài ≥ 150cm - Đường kính ≥ 0.035" - Đầu tip: Dạng cong hoặc thẳng - Xuất xứ G7	500
104	Dây lưỡng cực tạo nhịp tạm thời	Cái	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	20
105	Dây nối áp lực cao	Cái	- Dây được làm từ vật liệu PU (Polyurethane), tối thiểu có cỡ 150cm	400
106	Dù bít lỗ thông liên nhĩ	Cái	- Dù đóng thông liên nhĩ chất liệu hợp kim nhớ hình (Nitinol), đĩa có phủ vải - Đường kính dù tối thiểu ≤ 8mm, tối đa ≥ 40mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	10
107	Dù đóng còn ống động mạch	Cái	- Dù đóng còn ống động mạch có khung làm từ Nitinol, đĩa có phủ vải - Có đường kính dù tối thiểu $\leq 4/6$mm; tối đa $\geq 18/20$mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	10
108	Dù đóng lỗ còn ống động mạch và thông liên thất	Cái	- Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới - Có hình nón hoặc dạng hai đĩa - Có tối thiểu các cỡ 8/6mm, 10/8mm, 12/10mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp.	10
109	Dù đóng lỗ còn ống động mạch và thông liên thất dạng nhỏ	Cái	- Dụng cụ được làm từ hợp kim nhớ hình dạng lưới Nitinol hoặc tương đương - kích cỡ đa dạng (tối thiểu có 4/4mm, 5/4mm, 5/6mm, 6/6mm). - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp.	10
110	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ	Cái	- Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol và Polyesters - Hình dạng hai đĩa - Có tối thiểu các cỡ nằm trong khoảng 4mm đến 40mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp.	15
111	Dụng cụ bắt dị vật	Cái	- Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng, chất liệu Nitinol - Marker làm bằng vật liệu cản quang - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ châu Âu	10
112	Dụng cụ đóng lòng mạch máu	Cái	- Chất liệu tự tiêu, hấp thụ hoàn toàn >30 ngày. - Kích cỡ: 5F đến 7F - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp và CE - Xuất xứ: OECD	50
113	Dụng cụ đóng mạch	Cái	- Đóng mạch bằng chỉ tạo sẵn - Chỉ định cho sử dụng lỗ vào động mạch đùi tối thiểu ≤ 14F, tối đa ≥ 20F - Chỉ không tiêu/ tự tiêu - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp và CE - Xuất xứ: Châu Âu hoặc Châu Mỹ	150

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
114	Dụng cụ đóng mạch máu	Cái	- Bộ phận cấy ghép chứa một mô neo polyme và một miếng bọt biển collagen có tác dụng cầm máu. - Hấp thụ trong vòng 90 ngày. - Kích thước: 6Fr hoặc 8Fr - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	100
115	Dụng cụ đóng mạch máu	Bộ	- Dụng cụ đóng mạch máu cho lỗ chọc nằm trong khoảng từ 10Fr cho đến 26Fr. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ G20	5
116	Dụng cụ đóng mạch sau can thiệp	Cái	Bao gồm các thành phần sau : - 01 dây dẫn đường cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài ≥ 70 cm có đầu hình chữ "J" - 01 Que nong tác dụng định vị - 01 Ống mở đường - Bộ phận đóng mạch - Neo và collagen tự tiêu sinh học - Tắt cả thành phần hấp thụ trong vòng 60-90 ngày - Kích cỡ: 6Fr hoặc 8Fr - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE. - Xuất xứ: G7	150
117	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng lỗ còn ống động mạch và thông liên thất	Bộ	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	10
118	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng lỗ còn ống động mạch và thông liên thất dạng nhỏ	Bộ	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	10
119	Dụng cụ hỗ trợ bung Dù đóng lỗ thông liên nhĩ	Bộ	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	10
120	Dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp mạch	Cái	Sheath có thiết kế dạng cuộn dễ dàng uốn cong - Bề mặt phủ lớp ái nước. - Đường kính trong khoảng từ 5Fr đến 10Fr. Chiều dài trong khoảng từ 80cm đến 100cm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Âu hoặc châu Mỹ	20
121	Dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp mạch	Cái	Sheath có thiết kế dạng cuộn dễ dàng uốn cong - Bề mặt phủ lớp ái nước. - Đường kính tối thiểu từ 5Fr đến 10Fr. Chiều dài trong khoảng từ 24cm đến 65cm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Âu hoặc châu Mỹ	50
122	Dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp mạch phù hợp cho thủ thuật xuyên vách.	Cái	- Bề mặt phủ lớp ái nước - Đường kính tối thiểu có 5Fr, 6Fr, 7Fr - Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp. - Xuất xứ G20	100
123	Dụng cụ mở đường vào động mạch	Cái	Bao gồm các thành phần sau: - Kim luồn chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G - Dây dẫn: Đường kính: 0.025" hoặc 0.035" - Bơm tiêm - Introducer Sheath: + Van cầm máu + Kích thước: tối thiểu có các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr + Chiều dài: 10 $\pm$ 3 cm + Chất liệu sheat: làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethelene) - Que nong (dilator) - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW - Xuất xứ: ASEAN hoặc Châu Mỹ	2.000

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
124	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay	Cái	- Có lớp ái nước - Kim luồn chọc mạch cỡ: 20G hoặc 22G. - Dây dẫn: dài 45±5cm; đường kính: 0,021" hoặc 0,025". - Chiều dài sheath: 10±2cm - Độ dày thành sheath ≤0.17mm - Kích thước: cỡ 5Fr hoặc 6Fr hoặc 7Fr - Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW - Xuất xứ: ASEAN hoặc Châu Mỹ	300
125	Giá đỡ (stent) động mạch chủ bụng	Bộ	- Chất liệu: Stent: Nitinol, Graft: Polyester đa sợi mật độ cao - Hệ thống đưa stent có đường kính ngoài tối thiểu ≤16F/Fr, đường kính ngoài tối đa ≤20F/Fr, phủ lớp ái nước, bung stent bằng cách xoay tròn. - Đường kính Stentgraft thân chính: từ 23mm đến 36mm; - Đường kính thân stentgraft nối dài tối thiểu ≤10mm, tối đa ≥25mm - Chiều dài thân stentgraft nối dài: tối thiểu ≤60mm, tối đa ≥135mm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	2
126	Giá đỡ (stent) động mạch ngoại biên có màng bọc	Cái	- Khung giá đỡ (stent) có màng bọc dùng cho can thiệp mạch máu. Chất liệu Nitinol hoặc Colbalt Chromium, phủ Polytetrafluoroethylen (PTFE) + Hệ thống thả stent là Pullback delivery system hoặc OTW Delivery System - Kích cỡ: + Đường kính: ≥5mm. + Có điểm đánh dấu bằng Tantalum/Platinum/Iridium. + Chiều dài Catheter: ≥120cm.	10
127	Giá đỡ (stent) động mạch vành có màng bọc	Cái	- Đường kính khung: tối thiểu ≤2.50mm, tối đa ≥5.0 mm - Chiều dài khung: tối thiểu ≤9 mm, tối đa ≥24 mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	10
128	Giá đỡ (stent) động mạch vành phủ thuốc	Cái	- Stent chất liệu Platinum Chromium hoặc hợp kim Cobalt Crom L-605. Phủ thuốc Everolimus, polymer tự tiêu - Đường kính tối thiểu ≤2.25mm, tối đa ≥5.0mm. - Chiều dài tối thiểu ≤8mm, tối đa ≥48mm. - Độ dày thanh chống ≥74µm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: Châu Âu hoặc Châu Mỹ	80
129	Giá đỡ (stent) động mạch vành phủ thuốc	Cái	- Chất liệu khung stent bằng hợp kim Cobalt Crom L-605 hoặc Platinum Chromium (PtCr), bề dày từ 80µm đến 90µm - Phủ polymer và thuốc Everolimus - Có cỡ stent giãn nở/ mở rộng tối đa lên ≥5.75 mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: Châu Âu hoặc Châu Mỹ	80
130	Giá đỡ (stent) động mạch vành phủ thuốc	Cái	- Stent được làm từ hợp kim Cobalt Chromium (L-605) - Phủ thuốc Sirolimus, không trộn polymer - Độ dày khung stent ≤80µm - Đường kính khung tối thiểu ≤2.5mm, tối đa ≥4.0mm - Chiều dài khung tối thiểu ≤9mm, tối đa ≥38mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE. - Xuất xứ: G7	50
131	Giá đỡ (stent) động mạch vành phủ thuốc	Cái	- Khung bằng hợp kim Cobalt Chromium. Phủ thuốc Sirolimus, Polymer tự tiêu. Mật độ phủ thuốc: 1.4 ± 0.2µg/mm² - Đường kính khung tối thiểu ≤2,25mm; tối đa ≥5,0mm - Chiều dài khung tối thiểu ≤8mm; tối đa ≥40mm - Độ dày thanh chống 70µm đến 80µm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	70
132	Giá đỡ (stent) động mạch vành phủ thuốc	Cái	- Khung bằng Cobalt Chromium, phủ thuốc sirolimus. - Mật độ phủ thuốc ≥1,4µg/mm² - Đường kính khung tối thiểu ≤2,25mm; tối đa ≥4,0mm - Chiều dài khung tối thiểu ≤8mm; tối đa ≥40mm - Độ dày thanh chống ≥65µm đến ≤80µm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	70

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
133	Giá đỡ (stent) động mạch vành phủ thuốc	Cái	- Chất liệu: CoCr (Cobalt Chromium L605). - Phủ thuốc Everolimus hoặc Sirolimus, liều lượng thuốc $\leq 1.4\mu\text{g}/\text{mm}^2$. Có polymer tự tiêu. - Kích thước: + Đường kính: tối thiểu ≤ 2.25 mm, tối đa ≥ 4.0 mm + Dài: tối thiểu ≤ 13 mm, tối đa ≥ 38 mm. - Xuất xứ: G7	250
134	Giá đỡ (stent) động mạch vành phủ thuốc	Cái	- Phủ thuốc Sirolimus, Polymer tự tiêu - Bề dày nhánh stent: $\geq 75\mu\text{m}$ - Mật độ phủ thuốc: $\geq 3.9\mu\text{g}/\text{mm}$ - Chiều dài hệ thống phân phối: $\geq 144\text{cm}$ - Đường kính stent tối thiểu: $\leq 2.25\text{mm}$, tối đa: $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài stent tối thiểu $\leq 15\text{mm}$, tối đa $\geq 50\text{mm}$. Tối thiểu có chiều dài 33mm và 38mm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE. - Xuất xứ: Các nước G7 hoặc Châu Mỹ	200
135	Giá đỡ (stent) động mạch vành phủ thuốc	Cái	- Stent chất liệu Platinum Chromium hoặc hợp kim Cobalt Crom L-605. Phủ thuốc Everolimus, có lớp polymer bọc ngoài bề mặt stent, tự tiêu trong 3-4 tháng. - Đường kính tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$, tối đa $\geq 5.0\text{mm}$. - Chiều dài tối thiểu $\leq 8\text{mm}$, tối đa $\geq 38\text{mm}$. - Độ dày thanh chống $\geq 74\mu\text{m}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE. - Xuất xứ: Các nước thuộc ASEAN hoặc G7	90
136	Giá đỡ (stent) động mạch vành phủ thuốc	Cái	- Chất liệu: hợp kim Cobalt Chromium hoặc Platinum Chromium - Thiết kế stent mắt đồng hoặc mắt mở - Phủ thuốc Sirolimus hoặc Everolimus - Độ dày thanh stent $\geq 65\mu\text{m}$ - Áp lực lên bóng tối đa $\geq 14\text{atm}$ - Chiều dài tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Chiều dài khả dụng $\geq 140\text{cm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	40
137	Giá đỡ (stent) mạch vành có phủ thuốc	Cái	- Chất liệu khung stent bằng hợp kim Cobalt Crom L-605 hoặc hợp kim Platinum Chromium. Phủ thuốc Everolimus. Lớp phủ polymer không tiêu hoặc polymer bền vững (durable polymer). - Đường kính tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$. - Chiều dài: tối thiểu $\leq 8\text{mm}$, tối đa $\geq 38\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE. - Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	70
138	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Chất liệu: Chất liệu làm từ hợp kim Cobalt lõi Platinum-iridium hoặc hợp kim Platinum Chromium, phủ thuốc Zotarolimus hoặc Everolimus - Đường kính stent: tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$, tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW	80
139	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Stent phủ thuốc sirolimus trên nền polymer tự tiêu. Nồng độ thuốc phủ $\geq 1.5\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Bề dày stent $\leq 86\mu\text{m}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Âu	50
140	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Chất liệu Stent: Cobalt Chromium (L605). Phủ thuốc sirolimus. - Polymer tự tiêu hoàn toàn <60 ngày. - Độ dày thanh chống: trong khoảng $70\mu\text{m}$ đến $90\mu\text{m}$. - Đường kính stent: tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$, tối đa $\geq 5\text{mm}$. - Chiều dài: tối thiểu $\leq 10\text{mm}$; tối đa $\geq 40\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G20 hoặc Châu Âu	60
141	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Chất liệu stent: hợp kim Cobalt Chromium (L605). Phủ thuốc Sirolimus (Rapamycin) hoặc Everolimus trộn với polymer. - Liều thuốc phủ: $\leq 1\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Bề dày nhánh stent trong khoảng: $\geq 80\mu\text{m}$ đến $\leq 100\mu\text{m}$ - Chiều dài ống thông: $\geq 144\text{cm}$ - Đường kính khung: tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$. - Chiều dài khung tối thiểu $\leq 13\text{mm}$, tối đa $\geq 38\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE. - Xuất xứ: G20 hoặc châu Âu	70

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
142	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Khung giá đỡ Cobalt-Chromium L605, độ dày $\leq 80\mu\text{m}$, phủ thuốc sirolimus hoặc everolimus. - Thời gian hấp thụ polymer và phóng thích thuốc: 3-4 tháng. - Có cỡ stent có khả năng nở vượt định mức $\geq 6.00\text{mm}$ - Khẩu kính đầu vào $0.018" \pm 0.001"$ - Kích thước khung giá đỡ: Đường kính tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$, tối đa $\geq 4.5\text{mm}$. Chiều dài tối thiểu $\leq 9\text{mm}$, tối đa $\geq 48\text{mm}$. - Hệ thống đẩy stent được phủ ái nước hydrophilic cải tiến đầu xa, đường kính băng qua trong khoảng từ 0.9mm đến 1.15mm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW. - Xuất xứ: G7	80
143	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Khung giá đỡ mạch vành bằng kim loại hoặc hợp kim (Magnesium, Co-Cr) có khả năng tự tiêu hoặc tự tháo khớp. - Đường kính: tối thiểu $\leq 2.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài: tối thiểu $\leq 18\text{mm}$, tối đa $\geq 28\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Âu hoặc Châu Mỹ	50
144	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Phủ thuốc Sirolimus, có trộn polymer tự tiêu - Chất liệu hợp kim Cobalt Chromium - Độ dày khung stent tối thiểu $\leq 60\mu\text{m}$, tối đa $\geq 80\mu\text{m}$ (tối thiểu có độ dày $60\mu\text{m}$) - Nồng độ thuốc phủ $1.4 \pm 0.2 \mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất Xứ: Châu Âu	70
145	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Khung giá đỡ chất liệu Cobalt Chromium L605. Độ dày $80\mu\text{m}$ đến $90\mu\text{m}$. - Phủ thuốc sirolimus hoặc biolimus dùng polymer tự tiêu phủ mặt stent áp thành mạch hoặc trực tiếp lên bề mặt stent. - Kích thước của khung giá đỡ động mạch: + Đường kính: tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ + Chiều dài: tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 36\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE. - Xuất xứ: G7	90
146	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus hoặc Everolimus, độ dày thành stent trong khoảng từ $75\mu\text{m}$ đến $85\mu\text{m}$. - Đường kính stent tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.5\text{mm}$. - Có cỡ stent có khả năng nở rộng stent đến $\geq 6\text{mm}$. - Chiều dài stent: tối thiểu $\leq 9\text{mm}$, tối đa $\geq 49\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	50
147	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Stent mạch vành Cobalt Chromium, tẩm thuốc Biolimus A9 hoặc Zotarolimus - Chiều dài tối thiểu $\leq 9\text{mm}$, tối đa $\geq 36\text{mm}$. Đường kính tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$. Có cỡ stent giãn nở/ mở rộng tối đa lên $\geq 5.75\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Các nước thuộc khối Asean	70
148	Kim chọc mạch đùi, quay	Cái	- Vật liệu làm bằng thép không gỉ. - Kích thước: 18G, 19G, 20G, 21G - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	200
149	Kim chọc tĩnh mạch ngoại vi	Cái	- Cỡ 18G, 20G - Chất liệu ETFE hoặc FEP, lưu kim được $\geq 72\text{h}$. - Độ dài catheter $50 \pm 5\text{ mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: ASEAN	1.000
150	Kim chọc vách liên nhĩ	Cái	- Kim chọc vách liên nhĩ gồm kim chọc vách và stylet bằng thép không gỉ. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	5

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
151	Máy tạo nhịp 1 buồng	Bộ	- Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng có đáp ứng tần số (gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 introducer) - Có thể chụp MRI toàn thân, tương thích MRI 1.5 Tesla - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay hoặc phát hiện tự động từ trường MRI - Tự kiểm tra ngưỡng - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	10
152	Miếng dán Holter điện tim 7 ngày	Cái	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp.	20
153	Ống thông (Catheter) chụp tim, mạch vành, chụp mạch não, mạch ngoại biên	Cái	* Cấu tạo: thân ống thông sử dụng chất liệu Polyamide. * Hình dạng đầu kiểu Brachial/ Tiger hoặc dùng qua đường mạch quay để chụp cho cả mạch vành trái và phải. * Dây dẫn tương thích: 0.035" hoặc 0.038" * Chịu áp lực tối đa $\geq 1000\text{psi}$ * Kích thước: - Đường kính trong: ít nhất có cỡ 5Fr - Chiều dài: ít nhất có cỡ 100cm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW - Xuất xứ: châu Á	1.500
154	Ống thông can thiệp các loại, các cỡ	Cái	- Đường kính tối thiểu có cỡ 6F và 7F - Lớp ngoài chất liệu Nylon - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp. - Xuất xứ: Châu Mỹ	1.000
155	Ống thông can thiệp siêu nhỏ	Cái	- Mặt trong phủ PTFE và mặt ngoài phủ lớp ái nước Hydrophilic. * Kích thước: - Đường kính ngoài: đoạn xa $\leq 1.8\text{Fr}$, đoạn gần $\leq 2.8\text{Fr}$ - Chiều dài: 130cm hoặc 150cm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	58
156	Ống thông can thiệp tim mạch các loại, các cỡ	Cái	- Tiết diện trong ống rộng: 6Fr: $\geq 0.071"$ 7Fr: $\geq 0.081"$ 8Fr: $\geq 0.090"$ - Có các loại (tối thiểu): JR, JL, AL, SAL, AR, PB, SPB, RB, MP - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW	500
157	Ống thông chẩn đoán	Cái	- Có đầu tip dạng đuôi heo (pigtail) - Có ≥ 5 lỗ bên - Có tối thiểu các kích cỡ 4F, 5F - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	100
158	Ống thông chẩn đoán các cỡ	Cái	- Các cỡ 5Fr hoặc 6Fr - Chiều dài: tối thiểu có 110cm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	500
159	Ống thông chẩn đoán đường đùi	Cái	- Nguyên liệu: thiết kế 3 lớp, lớp trong và ngoài nylon, lớp giữa sợi bện, đầu tip mềm, có cân quang. - Có tối thiểu các dạng JR, JL, AL, Pigtail. - Có tối thiểu các cỡ 5Fr, 6Fr - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	100
160	Ống thông chẩn đoán đường quay	Cái	- Nguyên liệu: thiết kế 3 lớp, lớp trong và ngoài nylon, lớp giữa sợi bện. - Dài $\geq 100\text{cm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	600
161	Ống thông chụp động mạch vành	Cái	- Lưới thép không gỉ bện đôi, chống xoắn - Các cỡ: 4F, 5F, 6F. Chiều dài $\geq 100\text{cm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Mỹ/ Châu Âu	300

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
162	Ống thông đưa dây tạo nhịp đến vị trí bó His hoặc bó nhánh trái	Cái	- Chiều dài: có nhiều loại từ 30cm đến 50cm. - Bán kính cong: ≥ 3 kích cỡ - Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: Châu Âu/ Châu Mỹ	10
163	Ống thông dùng trong can thiệp tim	Cái	- Ít nhất có cỡ 6F và 7F - Lớp trong: Làm bằng chất liệu PTFE hoặc Pebax - Lớp giữa: Lõi đan bằng dây kim loại - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Mỹ	300
164	Ống thông dùng trong can thiệp tim mạch	Cái	- Có marker cân quang - Chiều dài làm việc ≥ 150 cm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: Châu Mỹ	10
165	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	Cái	- Chất liệu đầu tip: Polyaminde. - Có chiều dài ≥ 25 cm. - Độ dài ống thông ≥ 145 cm, lớp phủ ái nước. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	40
166	Ống thông hút huyết khối	Bộ	- Tương thích ống thông can thiệp loại ≥ 6 F. - Xuất xứ: G7.	20
167	Ống thông tim và chụp buồng tim	Cái	- Cấu trúc: lớp đan kép, đầu mềm - Chất liệu: có lớp đan kép bằng thép không gỉ ở giữa - Hình dáng đặc trưng của đầu tip tối thiểu có: JL, JR - Kích thước: đường kính lòng ống: 4Fr hoặc 5Fr - Chiều dài: ít nhất có 100cm, 110 cm - Giới hạn áp lực ≥ 750 psi - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW (Nhật Bản) - Xuất xứ: các nước thuộc ASEAN hoặc G7	200
168	Ống thông trợ giúp can thiệp	Cái	- Vật liệu lớp bên trong trực: Polytetrafluoroethylene - PTFE hoặc Pebax - Đường kính trong : 5Fr: ≥ 0.058 " 6Fr: ≥ 0.071 " 7Fr: ≥ 0.081 " - Độ dài: 100 cm/120 cm - Hình dạng đầu tối thiểu có: BL, JR, JL, MP, AL, Ikari - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW - Xuất xứ: G7	100
169	Ống thông trợ giúp can thiệp mạch vành	Cái	- Cấu tạo trực: lưới đan thép không gỉ 2x2 - Vật liệu ống: Polyamide - Lớp phủ ái nước hydrophilic - Tối thiểu có các dạng JR, JL, EBU, AL, AR, IM, MP,... - Đường kính trong: 5Fr: $\geq 0,058$ " 6Fr: $\geq 0,071$ " 7Fr: $\geq 0,081$ " 8Fr: $\geq 0,090$ " - Độ dài sử dụng: 100 cm hoặc 125 cm - Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp. - Xuất xứ: Châu Âu hoặc Châu Mỹ	200
170	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Khả năng tải đầu xa (tip) ≥ 0.5 gf - Chiều dài đoạn cân quang ≥ 15 cm - Lớp phủ hydrophilic - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp và MHLW(Nhật Bản)	50
171	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Khả năng tải đầu xa (tip) 0.3gf - Chất liệu thép không gỉ. - Chiều dài lò xo: ≥ 15 cm - Xuất xứ các nước G7 - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW (Nhật Bản) hoặc CE	50

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
172	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Khả năng tải đầu xa (tip) $\geq 0.5\text{gf}$ - Chất liệu: Lõi Nitinol hoặc thép không gỉ - Chiều dài đoạn cân quang $\geq 15\text{ cm}$ - Lớp phủ : hydrophilic và silicone - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW (Nhật Bản)	20
173	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Dây dẫn nối dài - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	20
174	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch loại thường, loại mềm	Cái	- Chiều dài 180cm. Lõi thép không gỉ. Ít nhất có lớp phủ silicone và ái nước. - Độ cân quang đầu tip dài 3cm. - Độ nặng đầu xa (tip) tối thiểu $\leq 0.5\text{gf}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW (Nhật Bản) - Xuất xứ: G7	500
175	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch trong can thiệp tổn thương tắc mãn tính động mạch vành (CTO)	Cái	- Lõi thép không gỉ. Có lớp phủ ái nước. - Chiều dài từ 180cm đến 330cm. - Có độ nặng đầu xa (tip) nằm trong khoảng 0.3gf đến 14.0gf. - Đường kính đầu tip trong khoảng 0.008" đến 0.014" - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp và MHLW - Xuất xứ: G7	250
176	Vi ống thông	Cái	- Thiết kế dạng đầu uốn cong - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp Xuất xứ G7	10
177	Vi ống thông	Cái	Vi ống thông có thiết kế đa lớp với lõi thép dạng cuộn hoặc bện. - Thiết kế dạng đầu thẳng với lớp phủ phủ ái nước ở đầu xa. - Đường kính thân ngoài đoạn gần $\leq 2.5\text{Fr}$ (0.033"), đoạn xa $\leq 1.8\text{Fr}$ (0.024"). - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE Xuất xứ G7	20
178	Vi ống thông can thiệp kéo dài	Cái	- Có marker đánh dấu - Tổng chiều dài catheter: $\geq 150\text{cm}$ - Chiều dài đoạn xa kéo dài: $\geq 25\text{ cm}$ - Phần đầu mềm dài $\geq 2\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	20
179	Vi ống thông can thiệp mạch máu	Cái	- Có tráng phủ ái nước - Chiều dài: 135 cm hoặc 150 cm - Đường kính ngoài đầu tip: 1.4Fr đến 1.7Fr - Xuất xứ: Nước thuộc khối G7 hoặc ASEAN	20
180	Vi ống thông can thiệp mạch vành	Cái	- Có ít nhất 1 điểm đánh dấu cân quang gần đầu tip. - Profile $\leq 1.7\text{F}$. Độ dài 135cm hoặc 150 cm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: G7	20
181	Vi ống thông can thiệp tim mạch	Cái	- Đầu tip có đường kính ngoài $\leq 1.4\text{ Fr}$. - Đường kính ngoài phần thân xa $\leq 2.1\text{ Fr}$. - Đường kính ngoài phần thân gần $\leq 2.9\text{ Fr}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MLHW	20
182	Vi ống thông can thiệp tim mạch (Chiều dài: 135cm, 150cm)	Cái	- Vi ống thông có thiết kế từ các sợi bện. - Đường kính ngoài đầu tip $\leq 1.3\text{F}$ - Đường kính ngoài thân xa $\leq 2.1\text{F}$ - Đường kính ngoài phần thân gần $\leq 2.9\text{Fr}$ - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp và MLHW	30
183	Vi ống thông siêu nhỏ 2 nòng	Cái	- Ống thông có 2 nòng. - Đường kính ngoài đầu tip $\leq 1.7\text{ Fr}$ - Đường kính ngoài đoạn xa $\leq 2.3\text{Fr}$. Đường kính ngoài đoạn gần $\leq 3.2\text{ Fr}$. - Chiều dài $\geq 140\text{ cm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc MHLW hoặc CE - Xuất xứ: G7.	40

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
184	Bình chứa huyết khối (Sử dụng kết nối với máy bơm hút huyết khối)	Cái	- Tiêu chuẩn FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	10
185	Bộ dẫn lưu đường mật qua da	Cái	- Bộ dẫn lưu đường mật qua da, hai đầu, có khóa, được thiết kế để thoát dịch mật trong hệ thống mật. - Có các đường kính từ 8F-14F	100
186	Bộ dẫn lưu ổ bụng, áp xe, mật, thận các cỡ	Cái	- Chiều dài: nằm trong khoảng từ 18cm đến 30 cm; - Đường kính: Từ 6Fr đến 16Fr - Khả năng tương thích dây dẫn: 0.035 "; - Hệ thống locking - Trọn bộ bao gồm: kim chọc, và dụng cụ làm thẳng ống dẫn lưu, ống dẫn lưu và khoá - Xuất xứ: G7	100
187	Bộ dụng cụ đồ xi măng không bóng	Bộ	1. Kim chọc dò cán chữ T. 2. Bộ trộn giúp trộn xi măng bao gồm 6 chi tiết: • 01 kim chọc dò cán chữ T • 01 bát trộn XM (riêng rẽ để trộn mờ) • 01 thìa trộn XM (riêng rẽ để trộn mờ) • 01 dây nối giảm áp • 01 thân bơm gắn với xi lanh 10ml • 01 ống hút Xi măng 3. Trong $\geq 25g$ bột xi măng chứa $\geq 10g$ Bari sulphate ($\geq 40\%$) Xuất xứ: G7	50
188	Bộ dụng cụ đóng mạch máu sau can thiệp bằng nút collagen	Cái	- Dụng cụ đóng mạch máu cho động mạch đùi collagen. - Chiều dài nằm trong khoảng từ 155 mm đến 700mm - Kích thước nằm trong khoảng từ 6F đến 9F. - Hấp thụ trong vòng 90 ngày. - Đạt tiêu chuẩn: CE	30
189	Bộ dụng cụ siêu âm trong lòng mạch ngoại biên	Bộ	- Tần số đầu dò 30MHz - Chiều dài đoạn ống thông viễn vọng: 15cm - Đường kính xâm nhập tối đa: $\leq 12mm$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.018"$, sheath 6F - Đường kính đầu tip $\leq 1.6F$. - Đường kính vượt tổn thương $\leq 3.5F$. - Chiều dài hoạt động: $\geq 130cm$	30
190	Bộ kim chọc tạo đường thông cửa chủ trong gan qua đường tĩnh mạch cảnh, các loại các cỡ	Bộ	Có vị trí đánh dấu trên ống thông mang que chọc. Kim chọc bằng Nitinol. Cỡ kim chọc: 17Ga hoặc 0.040". Bộ kim chọc bao gồm: - Ống chứa cứng - Ống thông dẫn đường - Kim chọc - Ống thông chứa kim chọc - Ống thông đầu kiểu MPA - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	5
191	Bộ ống thông hút huyết khối cỡ lớn (Dây hút huyết khối)	Bộ	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	1
192	Bộ ống thông hút huyết khối cỡ trung (Dây hút huyết khối)	Bộ	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	1
193	Bơm tiêm đầu xoắn dùng trong can thiệp	Cái	Bơm tiêm 1ml, 3ml, 10ml - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate - Có nhiều màu sắc khác nhau - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE - Xuất xứ: Châu Mỹ	1.000

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
194	Bóng nong mạch ngoại vi các cỡ	Cái	- Bóng nong ngoại biên áp lực cao. - Áp lực vỡ bóng lên tới 24atm - Bóng tương thích với dây dẫn đường kính tối đa 0.035". - Tương thích với sheath 6F, 7F - Đường kính bóng: 4.0-12mm. - Chiều dài bóng: 20-200mm. - Chiều dài ống thông : 40cm-135cm - Xuất xứ: các nước G7	70
195	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc các cỡ	Cái	+ Phủ thuốc Paclitaxel $\geq 3.5\mu\text{g}/\text{mm}^2$ + Bóng có đường kính nằm trong khoảng từ 4mm đến 12 mm, chiều dài của bóng nằm trong khoảng từ 40mm đến 150 mm + Catheter có thiết kế over the wire + Chiều dài hệ thống: $\leq 140\text{cm}$ + Tương thích với dây dẫn: 0.035" - Xuất xứ: Châu Âu	100
196	Bóng nong can thiệp mạch máu thần kinh	Cái	- Chỉ định để điều trị hẹp động mạch nội sọ - Đường kính bóng nằm trong khoảng từ 1.25 -4.0 mm, chiều dài bóng nằm trong khoảng từ 10-40 mm -Tương thích dây dẫn 0.014 inch, - Tiêu chuẩn: CE	20
197	Bóng nong động mạch ngoại biên	Cái	-Bóng nong động mạch ngoại biên không phủ thuốc -Crossing profile nhỏ hơn 1mm. -Chiều dài hệ thống: 90cm-170cm. -Đường kính bóng: 1.5- 6.0mm. -Chiều dài bóng: 10- 250mm.	70
198	Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc	Cái	+ Phủ thuốc Paclitaxel + Dextran hoặc Paclitaxel + Tối thiểu tương thích với guide : 0.018" + Tối thiểu tương thích sheath 4F, 6F + Áp lực định danh (áp lực thường): $\geq 6\text{atm}$ - Kích thước: + Chiều dài trong khoảng từ 10mm - 250 mm. + Đường kính bóng trong khoảng 1.5mm - 6.00mm + Chiều dài hệ thống: Tối thiểu gồm các cỡ 80cm/90cm, 135cm, 150cm/170cm.	50
199	Bóng nong động mạch ngoại biên	Cái	- Chiều dài catheter nằm trong khoảng từ 80cm đến 200cm - Đường kính nằm trong khoảng từ 1.25mm đến 12mm - Chiều dài nằm trong khoảng từ 10mm đến 200mm - Xuất xứ: Khối EU hoặc G7	50
200	Bóng nong động mạch ngoại biên	Cái	- Bóng dùng dây dẫn 0.014": đường kính từ: 1.5mm đến 4.0 mm, độ dài từ 40mm đến 200 mm. - Bóng dùng dây dẫn 0.018": đường kính từ 2.0mm đến 7.0mm, độ dài từ 20mm đến 200mm. - Bóng dùng dây dẫn 0.035": đường kính từ 3.0mm đến 12.0 mm, độ dài từ 20mm đến 200 mm. - Xuất xứ: châu Âu hoặc G7	100
201	Bóng nong động mạch ngoại vi	Cái	- Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 6.0mm - Chiều dài từ 20mm đến 200mm - Sheath nhỏ nhất tương thích 4F, 5F; - Áp lực định danh 6atm/8atm, áp lực vỡ bóng 14atm - Tương thích dây 0.018" và 0.014" - Tiêu chuẩn: CE - Xuất xứ: châu Âu	30
202	Bóng nong động mạch ngoại vi	Cái	- Tương thích với dụng cụ mở đường 4F; - Tương thích dây dẫn 0.014" - Đường kính bóng từ 1.5mm đến 4.0 mm; - Chiều dài từ 20mm đến 200 mm - Chiều dài ống thông: 90cm, 150 cm - Đạt tiêu chuẩn CE	30

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
203	Bóng nong động mạch ngoại vi	Cái	- Chiều dài bóng từ 20mm đến 40 mm. - Đường kính từ 4.0mm - 7.0 mm - Chiều dài ống thông tối thiểu có cỡ 80cm và 135cm/150cm - Tương thích với dây dẫn 0.014" - Áp lực định danh 6atm/8atm, Áp lực tối đa 14atm - Tiêu chuẩn: CE	30
204	Bóng nong động mạch ngoại vi phủ thuốc	Cái	- Chiều dài catheter từ 80cm đến 150cm - Đường kính từ 5mm đến 8.0mm - Chiều dài từ 20mm đến 200mm Xuất xứ: Khối EU hoặc G7	120
205	Bóng nong động mạch ngoại vi phủ thuốc Paclitaxel	Cái	Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel nhiều lớp. Loại OTW. * Bóng dùng dây dẫn 0.014": + Đường kính nằm trong khoảng từ 2.0mm đến 4.0mm + Độ dài nằm trong khoảng từ 40mm đến 150mm. * Bóng dùng dây dẫn 0.018": + Đường kính nằm trong khoảng từ 4.0 mm đến 7.0mm + Độ dài nằm trong khoảng từ 40mm đến 200mm. * Bóng dùng dây dẫn 0.035": + Đường kính nằm trong khoảng từ 5.0mm đến 7.0mm + Độ dài nằm trong khoảng từ 40mm đến 150mm. Xuất xứ: EU hoặc G7	200
206	Bóng nong dùng can thiệp mạch máu ngoại biên	Cái	- Đường kính bóng từ 1.5mm đến 4.0mm. - Chiều dài bóng trong khoảng từ 40mm đến 220mm. - Tương thích dây dẫn 0.014". - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	50
207	Bóng nong đường mật, động mạch ngoại biên	Cái	- Chiều dài bóng nằm trong khoảng từ 20mm đến 60 mm - Đường kính bóng nằm trong khoảng từ 12.0mm đến 30.0mm	50
208	Bóng nong đường niệu quản, đường mật các cỡ	Cái	- Đường kính bóng 5mm (15Fr); chiều dài bóng 4cm; 10cm	30
209	Bóng nong mạch máu não	Cái	Bóng nong được gắn trong ống thông 2 nòng, dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. Đường kính 1.5-4.0mm, chiều dài bóng nong 8mm, đường kính trong 0.0165"-0.017".	20
210	Bóng nong mạch máu ngoại biên	Cái	- Đường kính nằm trong khoảng từ 2.0mm đến 7.0mm - Độ dài bóng nằm trong khoảng từ 20mm đến 280mm	30
211	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc	Cái	- Phủ thuốc Paclitaxel. - Đường kính bóng: từ 2mm đến 7mm - Chiều dài bóng: từ 40mm đến 200 mm. - Tiêu chuẩn FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	50
212	Bóng nong mạch ngoại vi áp lực cao	Cái	- Bóng nong mạch ngoại vi áp lực cao. - Có gắn 3 gờ hình tam giác bằng kim loại chạy dọc trên bề mặt bóng tạo tập trung lực - Áp suất định danh 10atm, áp suất gây vỡ bóng 14atm - Có đường kính bóng từ 2.25mm đến 7mm - Chiều dài bóng từ 20mm đến 150mm - Tương thích dây dẫn 0.014" và 0.018" - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp và CE	30
213	Bóng nong mạch ngoại vi các cỡ	Cái	+ Bóng sử dụng guide wire 0.014". + Có marker + Đường kính bóng: Bóng thẳng (1.5-6.0mm), Bóng thuôn (2.0/1.5; 2.5/2.0; 3.0/2.5; 3.5/3.0; 4.0/3.5mm). + Chiều dài bóng nằm trong khoảng từ 20mm đến 210mm.	100
214	Bóng nong mạch ngoại vi có gắn lưới dao nhỏ	Cái	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	50
215	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc	Cái	-Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc bởi lớp Dextran-Paclitaxel Matrix. -Đường kính bóng từ 1.5 mm đến 6.0 mm. -Chiều dài bóng từ 10mm đến 250mm.	70

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
216	Bóng nong mạch ngoại vi	Cái	- Chất liệu bóng hai lớp Crossflex - Đường kính bóng nằm trong khoảng từ 3mm-14 mm - Chiều dài trong khoảng từ 20mm-250 mm Xuất xứ: Châu Mỹ hoặc Châu Âu	30
217	Bóng nong mạch ngoại vi	Cái	- Tương thích với dây dẫn đường kính tối đa 0.035". - Đường kính từ 3 tới 12 mm, độ dài từ 20 tới 200 mm. - Áp lực vỡ bóng lên đến 20 atm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp Xuất xứ: các nước G7	100
218	Bóng nong máu ngoại biên	Cái	- Có 2 dạng: Monorail và Over-the-wire. - Chiều dài catheter trong khoảng từ 40cm-150 cm. - Đường kính bóng trong khoảng từ 2.0mm đến 10.0mm, chiều dài bóng trong khoảng từ 10mm đến 220mm. - Tương thích dây dẫn 0.014"/0.018". - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	250
219	Bóng nong ngoại biên dùng cho can thiệp chậu đùi	Cái	- Tương thích dây dẫn 0.035". - Đường kính các cỡ từ 3.0mm đến 12.0mm, dài nhất ≥ 250 mm. - Bóng đạt được áp lực cao đến ≥ 10 atm - Chiều dài catheter: 80cm/90cm, 120cm/130cm và 150cm/170cm - Xuất xứ: châu Âu	30
220	Bóng nong ngoại biên dùng cho can thiệp chậu đùi	Cái	- Tương thích dây dẫn 0.018". - Đường kính các cỡ từ 2.0mm đến 7.0mm, dài nhất ≥ 200 mm. - Bóng đạt được áp lực cao đến ≥ 15 atm - Chiều dài catheter: 80cm/90cm và 130cm/135cm - Xuất xứ: châu Âu	20
221	Bóng nong ngoại biên dùng cho can thiệp chậu đùi	Cái	- Tương thích dây dẫn 0.014". - Đường kính các cỡ trong khoảng từ 1.25mm đến 5.0mm, dài nhất ≥ 220 mm. - Bóng đạt được áp lực cao đến ≥ 14 atm - Chiều dài catheter: 120cm, 150cm - Xuất xứ: châu Âu	20
222	Bóng nong ngoại vi áp lực cao	Cái	Bóng nong mạch ngoại vi loại áp lực cao (cho tổn thương ngoại vi hoặc cầu tay vôi hóa nặng) - Áp lực gây vỡ bóng nằm trong khoảng từ 18 atm đến 22atm - Đường kính bóng từ: 3-10mm - Chiều dài bóng từ: 20-150mm. - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp và CE	30
223	Chất tắc mạch dạng lỏng	Lọ	Chất tắc mạch vĩnh viễn, thành phần bao gồm Ethylene Vinyl Alcohol (EVOH), Dimethyl Sulfoxide (DMSO) và Tantalum để có tính cân quang. Dung tích ≥ 1.5 ml	50
224	Cuộn nút mạch não	Cái	Coil kim loại nút phình mạch não 3D. Đường kính sợi coil: 0.010", 0.012", 0.014", 0.017". Đường kính vòng coil sau khi thả có nhiều kích cỡ khác nhau từ 1mm đến 24mm, trong đó có các cỡ 1.5, 2.5, 3.5 mm. Chiều dài cuộn coil từ 1cm đến 50cm. Cắt nhanh bằng điện.	50
225	Cuộn nút mạch não (coils)	Cái	- Chất liệu Platinum. - Đường kính sợi coil từ 0.0115" - 0.0145" - Đường kính cuộn: từ 1.5mm đến 20mm. - Chiều dài 1cm đến 50cm - Được cắt bằng dụng cụ cắt cơ học	200
226	Cuộn nút mạch não (coils)	Cái	- Chất liệu Platinum - Đường kính sợi coil là ≤ 0.0108 ". - Đường kính cuộn từ 1mm đến 3.5mm. - Chiều dài từ 2cm đến 10cm. - Được cắt bằng dụng cụ cắt cơ học	200

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
227	Cuộn nút mạch ngoại biên	Cái	Vòng xoắn kim loại chất liệu platinum - Đường kính từ 2mm-20mm - Chiều dài từ 2-50 cm. Với hình dạng Helix, 3D. Tương thích với ống thông có đường kính trong nhỏ nhất 0.0165" - 0.021". - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	30
228	Dây dẫn can thiệp mạch não các loại	Cái	Dây dẫn can thiệp mạch máu não phủ Hydrophilic. Chiều dài 200 cm trong đó chiều dài đầu xa là 40 cm với lõi có chất liệu là Nitinol. Đường kính đầu gần 0.014 inches và đường kính đầu xa là 0,012 inches.	100
229	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh đường kính	Cái	Chất liệu thép không gỉ, đường kính 0.014", dài ≥ 200cm, đầu xa có cuộn lò xo platinum dài 5cm, phủ lớp ái nước, đầu tip 2cm có thể uốn. Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	50
230	Dây dẫn can thiệp ngoại biên dành cho tổn thương tắc nghẽn mạn tính dưới khớp gối (CTO) các cỡ	Cái	- Phủ lớp hydrophilic - Chiều dài dây: 190cm và 300cm - Dây 0.014" - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	80
231	Dây dẫn can thiệp ngoại biên dưới khớp gối	Cái	- Đường kính 0.014" - Chiều dài có nhiều loại trong khoảng từ 180cm đến 300cm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	30
232	Dây dẫn đường (guide wire) can thiệp mạch ngoại biên	Cái	- Đường kính dây dẫn 0.014" - Chiều dài dây dẫn: 182cm/190cm, 300cm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	70
233	Dây dẫn đường (guide wire) can thiệp mạch ngoại biên	Cái	- Đường kính dây dẫn 0.018" - Chiều dài dây dẫn có tối thiểu cỡ 200cm/210cm, 300 cm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	150
234	Dây dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên	Cái	- Đường kính: 0.014", 0.018", 0.035" - Tổng chiều dài nằm trong khoảng từ 180cm đến 300cm - Kiểu đầu: cong, thẳng - Tiêu chuẩn: MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	30
235	Dây dẫn đường can thiệp mạch ngoại vi 0.018" các cỡ	Cái	- Bọc Polymer với lớp phủ ái nước - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	100
236	Dây dẫn đường cho Catheter 150cm	Cái	* Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi. - Lớp phủ ái nước. * Hình dạng đầu tip: thẳng gấp góc và cong chữ J * Kích thước: - Chiều dài: 150 cm - Đường kính ngoài: 0.035" * Tiêu chuẩn MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp * Xuất xứ: ASEAN hoặc G7	100
237	Dây dẫn đường cho Catheter 260cm	Cái	* Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi. - Lớp phủ ái nước. * Hình dạng đầu tip: thẳng, gấp góc và cong chữ J * Kích thước: - Chiều dài: 260 cm - Đường kính ngoài: 0.035" * Tiêu chuẩn MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp * Xuất xứ: ASEAN hoặc G7	100
238	Dây nối với ống hút huyết khối	Cái	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	20

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
239	Dù dạng lưới kim loại tự nở thể hệ mới loại 2 cánh, để bít các đường rò bất thường	Cái	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	30
240	Dụng cụ bảo vệ ngoại vi, các cỡ	Cái	- Đường kính lưới lọc: 3mm đến 7mm - Độ dài dây dẫn 190cm hoặc 320cm. - Miệng lưới lọc có 1 khung tròn chất liệu Vàng - Tungsten - Chất liệu lưới lọc: Nitinol	20
241	Dụng cụ đóng mạch sau can thiệp	Cái	Bao gồm các thành phần sau : - 01 dây dẫn đường cỡ 0.035" và 0.038" - 01 Que nong tác dụng định vị - 01 Ống mở đường - Bộ phận đóng mạch - Neo và collagen tự tiêu sinh học mang lại cơ chế cầm máu kép - Tất cả thành phần hấp thụ trong vòng 60-90 ngày - Kích cỡ: 6Fr và 8Fr - Xuất xứ: G7	200
242	Dụng cụ đóng mạch sau can thiệp	Cái	Đóng mạch bằng chỉ tạo sẵn - Chỉ định cho sử dụng lỗ vào động mạch đùi 5F đến 21F; cho lỗ vào tĩnh mạch đùi 5F đến 24F - Chỉ định cho lỗ vào động mạch 5-21F - Tiêu chuẩn: CE	100
243	Dụng cụ mở đường can thiệp mạch máu ngoại biên	Cái	* Chiều dài: 45cm, 65cm hoặc 90cm * Kiểu đầu: thẳng * Loại van cầm máu: Cross Cut (CCV) hoặc Tuohy-Borst (TBV) * Xuất xứ: G7	30
244	Dụng cụ mở đường vào động mạch	Cái	- Cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr - Chiều dài: 5cm-16cm Bao gồm các thành phần sau: * Kim luồn chọc mạch cỡ 18G, 20G * Dây dẫn: Đường kính: 0.025", 0.035" * Bơm tiêm - Xuất xứ: ASEAN	100
245	Dụng cụ nút mạch bằng dù	Cái	- Dùng nút mạch cho khu vực ngắn - Tương thích với dụng cụ mở đường trong khoảng từ 4F đến 6F hoặc ống thông can thiệp trong khoảng từ 5F đến 8F tùy thiết bị - Đường kính dù: 4mm, 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 16 mm. - Chiều dài khi không ép trong khoảng từ 7mm đến 8 mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	10
246	Giá đỡ (stent) bắc cầu cho túi phình mạch não cổ rộng	Cái	- Đường kính: điều chỉnh được đường kính nằm trong khoảng từ 1.5mm đến 6mm - Chiều dài: ≥ 31 mm - Tương thích microcatheter đường kính trong ≤ 0.021 " ID - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	10
247	Giá đỡ (stent) bắc cầu cho túi phình mạch não cổ rộng đoạn xa	Cái	- Chất liệu: Nitinol - Đường kính nằm trong khoảng từ 0.5mm - 3mm - Chiều dài: ≥ 22 mm - Tương thích microcatheter đường kính trong ≤ 0.017 " ID; - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	10
248	Giá đỡ (stent) chặn dòng chảy nội túi phình mạch não WEB SL, SLS các loại các cỡ	Cái	Stent hoạt động với cơ chế tự triển khai bên trong túi phình để ngăn máu chảy vào túi phình mạch não. Có hai hình dạng: Hình dạng trụ tròn với kích thước đường kính từ 3mm -11mm, chiều cao từ 2mm-9mm; Hình cầu với kích thước đường kính từ 4mm-11mm, chiều cao từ 2.6mm-9.6mm.	2
249	Giá đỡ (stent) động mạch ngoại biên có màng bọc (cover stent)	Cái	- Tương thích sheath: 9F - Đường kính tối thiểu có các cỡ: 6mm, 7mm, 8mm, 9mm - Chiều dài tối thiểu có các cỡ: 40mm, 60mm, 80mm - Tiêu chuẩn: CE	10

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
250	Giá đỡ (stent) động mạch ngoại biên cover stent	Cái	- Stent động mạch ngoại biên cover stent: - Chất liệu Nitinol/ hợp kim Cobalt Chromium; phủ Polytetrafluoroethylen (PTFE) - Đường kính nằm trong khoảng 6- 9mm - Chiều dài nằm trong khoảng 40-80mm Tiêu chuẩn: CE	10
251	Giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi bung bằng bóng	Cái	- Stent động mạch ngoại vi loại gắn trên bóng - Đường kính: 5.0mm - 10.0mm, chiều dài (mm): 17- 57mm. - Tương thích Sheath 6F-7F, dây dẫn: 0.035" OTW	20
252	Giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi có màng bọc	Cái	- Stent ngoại biên có màng bọc bung bằng bóng - Chiều dài catheter trong khoảng: 80cm-140cm. - Đường kính stent: 5mm -10mm. - Chiều dài stent trong khoảng từ 17mm-57mm. - Xuất xứ: châu Âu hoặc G7	30
253	Giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi tự bung	Cái	- Chiều dài ống thông: ≥ 130 cm - Đường kính stent trong khoảng từ 5mm đến 10mm - Chiều dài stent: 40mm-200mm - Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	40
254	Giá đỡ (stent) đường mật các cỡ	Cái	- Đường kính 8mm (24Fr), 10mm (30Fr) - Chiều dài từ 60mm, 80mm, 100mm - Thiết kế phủ toàn bộ bằng Polymer	30
255	Giá đỡ (stent) kéo huyết khối mạch não	Cái	- Đường kính stent: điều chỉnh được kích thước từ 1.5mm đến 6mm; - Chiều dài stent: ≥ 32 mm. - Tương thích microcatheter đường kính trong ≤ 0.021 " - Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: nhóm OECD	10
256	Giá đỡ (stent) kéo huyết khối mạch não	Cái	- Chất liệu: Nitinol - Đường kính stent: điều chỉnh được đường kính từ 0.5mm đến 3mm - Chiều dài stent: ≥ 23 mm - Tương thích microcatheter đường kính trong ≤ 0.017 " ID - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	10
257	Giá đỡ (stent) lấy huyết khối mạch máu não	Cái	- Đường kính stent 3-6 mm. - Chiều dài khả dụng 20-50mm	10
258	Giá đỡ (stent) lấy huyết khối mạch não	Cái	- Chất liệu: nitinol tự giãn nở - Đường kính stent trong khoảng từ 3mm-6mm - Chiều dài hiệu dụng stent từ 15mm-50mm - Có từ 2 -3 điểm đánh dấu (marker) đầu xa - Tương thích với vi ống thông đường kính trong tối thiểu 0.017" - Tiêu chuẩn: CE -Xuất xứ: Châu Âu	20
259	Giá đỡ (stent) mạch cảnh, các cỡ	Cái	Stent tự bung, làm bằng nitinol Đường kính 6mm đến 10 mm Chiều dài 20mm đến 60 mm Khung giá đỡ gồm 02 loại: Thăng và Thuôn.	20
260	Giá đỡ (stent) mạch máu não	Cái	Stent tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ, chất liệu nitinol, đường kính 3.0mm-5.0mm, chiều dài 15mm-30mm. Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài stent	10
261	Giá đỡ (stent) mạch máu não	Cái	- Stent được thiết kế bằng hợp kim tự bung Tungsten và cobalt chromium, có bề mặt bao phủ kim loại. - Đường kính: từ 2.5 đến 5mm, chiều dài từ 10mm đến 35mm.	10

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
262	Giá đỡ (stent) mạch máu tự bung	Cái	- Stent Nitinol. sử dụng cho động mạch và tĩnh mạch. - Đường kính trong khoảng từ: 16mm-36mm - Chiều dài trong khoảng từ: 30mm-100mm, - Chiều dài hệ thống bung stent 90cm/100cm. - Thích hợp trên dây dẫn 0.035", - Sử dụng với thiết bị 10F - Tiêu chuẩn: CE	5
263	Giá đỡ (stent) mạch máu, đường mật tự bung	Cái	- Stent Nitinol. Có kỹ thuật chống dịch chuyển (Antijump). - Phù hợp với dây dẫn 0.035", đường kính stent trong khoảng từ 6mm đến 12mm, chiều dài stent trong khoảng từ 30mm đến 50mm. - Chiều dài hệ thống bung Stent dài 75cm và 120cm. - Toàn bộ các stent đều sử dụng dụng cụ mở đường ≤ 6F. - Tiêu chuẩn: CE	40
264	Giá đỡ (stent) mạch não	Cái	- Làm bằng Nitinol, - Đường kính: từ 4mm và 6mm, - Chiều dài: từ 20mm đến 40mm. - Sợi đẩy có đường kính 0.018" và dài ≥ 200cm.	10
265	Giá đỡ (stent) mạch não	Cái	- Làm bằng Nitinol, - Đường kính: từ 3mm đến 6mm - Chiều dài: từ 15mm đến 40mm.	10
266	Giá đỡ (stent) mạch ngoại vi các cỡ	Cái	- Stent tự giãn nở bằng nitinol nhớ hình - Đường kính nằm trong khoảng từ 9-14mm - Chiều dài nằm trong khoảng từ 20-80mm - Chiều dài ống thông: 80cm và 120cm, sử dụng dây dẫn 0.035" - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	40
267	Giá đỡ (stent) ngoại biên nở trên bóng	Cái	- Chất liệu Cobalt chromium/Hợp kim Cobalt chromium - Đường kính stent trong khoảng: từ 4mm đến 10 mm - Chiều dài stent trong khoảng từ 12mm đến 59 mm - Tiêu chuẩn: CE - Xuất xứ: châu Âu	30
268	Giá đỡ (stent) ngoại vi	Cái	- Khung giá đỡ nitinol tự bung. - Đường kính: 5-8 mm. - Chiều dài stent: 20mm đến 200mm. - Chiều dài hệ thống: 80cm và 120cm, tương thích với dây dẫn 0.035". - Tương thích với dụng cụ mở đường 6F. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	80
269	Giá đỡ (stent) Nitinol tự bung dùng cho can thiệp chậu, đùi	Cái	- Tương thích dây dẫn 0.035" và hệ thống 6F - Đường kính các kích cỡ từ : ≤5.0mm đến ≥10.0mm, - Chiều dài tối thiểu có 200mm. - Chiều dài hệ thống 80cm và 120cm/130cm	10
270	Giá đỡ (stent) phình động mạch phân nhánh	Cái	- Stent tự bung có thể thu lại, hỗ trợ điều trị phình cổ rộng phức tạp đoạn phân nhánh nội sọ. - Đường kính stent 3-4 mm - Chiều dài stent 15-25mm - Tiêu chuẩn: CE	2
271	Giá đỡ (stent) thay đổi dòng chảy mạch máu	Cái	Stent chuyển hướng dòng chảy dùng trong can thiệp điều trị phình mạch não. Đường kính 2.5mm-8.0mm, chiều dài 10-50mm. Tương thích với vi ống thông có đường kính trong 0.017", 0.027" và 0.039"	5
272	Giá đỡ (stent) tĩnh mạch	Cái	- Thiết kế liên mạch từ 1 miếng Nitinol. - Đường kính có: 12mm-18mm. - Chiều dài: 60mm-150mm. - Chiều dài hệ thống bung stent 100cm. - Thích hợp trên dây dẫn 0.035". - Sử dụng với thiết bị 10F. - Tiêu chuẩn: CE	20

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
273	Giá đỡ (stent) tĩnh mạch các cỡ	Cái	- Stent chất liệu bằng hợp kim Nitinol - Thiết kế mắt lưới hở, ba điểm kết nối. - Tương thích với hệ thống can thiệp 9F - Đường kính nằm trong khoảng 10-20mm - Chiều dài: 40-150mm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	5
274	Hạt vi cầu nút mạch vĩnh viễn	Lọ	- Đường kính hạt từ 100µm đến 1100µm. - 2mL hạt chứa trong xi lanh 20mL bao gồm cả dung dịch ngâm hạt, được tiệt trùng. - Tiêu chuẩn CE.	20
275	Keo nút mạch nút dị dạng động tĩnh mạch não	Cái	Gồm 01 xy lanh 1ml tiệt trùng đóng sẵn hợp chất Polymer tương thích sinh học. Kèm theo 01 xy lanh 1ml tiệt trùng đóng sẵn chất DMSO riêng biệt. Có các loại nồng độ từ 25%- 35%.	50
276	Kim cắt coil	Cái	Kim cắt tách vòng xoắn kim loại đã được tích điện sẵn.	5
277	Kim chiba	Cái	- Đầu vát - Làm bằng thép không gỉ - Đường kính: 18G; 20G; 22G. - Chiều dài: 15cm; 20cm; 28cm	50
278	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời	Cái	- Vật liệu Nitinol Hypotube cắt bằng Laser. - Xử lý bề mặt bằng điện phân. Tới 30mm đường kính. Dễ dàng thu lại, với 6 móc neo. - Sử dụng Guidewire ≤ 0.035. Chiều dài ống thông dẫn: 70cm. Phụ kiện kèm theo gồm: dụng cụ mở đường có đường kính trong 5F có van cầm máu. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	30
279	Ống dẫn lưu qua da có khóa	Cái	Kích thước: 6,5F đến 14F; chiều dài catheter 15cm-40 cm. Đầu tip cong hình đuôi lợn có 8, 9 lỗ thoát dịch.	50
280	Ống hút huyết khối mạch não đường kính lớn	Cái	Ống hút huyết khối mạch não đường kính lớn - Đường kính trong ≥0,071" - Đường kính ngoài đầu xa từ 2,10mm - 2,16mm - Chiều dài khả dụng: ≥125cm - Xuất xứ: Châu Âu hoặc Châu Mỹ	20
281	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	Cái	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não. Đầu xa mềm và có thể uốn tạo hình bằng hơi nước. Đường kính trong 0,070", đường kính ngoài đầu gần 0.0825", đường kính ngoài đầu xa 0.0815". Chiều dài hoạt động khoảng 125cm-131cm. Chiều dài đầu xa 19cm, chiều dài đầu gần 106cm-112cm. - Xuất xứ: OECD.	70
282	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	Cái	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não. Đầu xa mềm và có thể uốn tạo hình bằng hơi nước. Đường kính trong 0,055", đường kính ngoài đầu gần 0.068". Chiều dài hoạt động từ 115cm-125cm. Chiều dài đầu gần 98cm- 108cm, chiều dài đầu xa 17cm. - Xuất xứ OECD.	20
283	Ống thông trợ giúp can thiệp	Cái	* Đường kính trong : 5Fr - 0.059" (1.50mm) 6Fr - 0.071" (1.80mm) 7Fr - 0.081" (2.06mm) * Độ dài: 100 cm và 120 cm * Hình dạng đầu: BL, JR, JL, MP, AL, Ikari - Tiêu chuẩn: MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	50
284	Ống thông (Catheter) can thiệp siêu nhỏ	Cái	* Cấu tạo: thân ống đoạn xa có 3 lớp - Lớp trong: phủ lớp PTFE - Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten tăng tính cân quang - Lớp ngoài: phủ lớp ái nước. - Đầu vi ống thông có điểm đánh dấu cân quang platinum/iridium 0.7mm * Kích thước: - Đường kính : 2.0Fr - Đường kính trong: 0.49mm / 0.019" - Chiều dài: 110cm, 130 cm, 150 cm - Tiêu chuẩn: MHLW hoặc FDA - Xuất xứ: G7	50

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
285	Ống thông (Catheter) can thiệp siêu nhỏ	Cái	- Phủ lớp ái nước. - Đường kính : 2.7Fr - Chiều dài: 130 cm - Dây dẫn đi kèm cỡ 0.021" - Tiêu chuẩn: MHLW hoặc Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	100
286	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh	Cái	- Đường kính trong $\geq 0.043"$ - Đầu xa (tip) dạng thẳng - Chiều dài 120cm hoặc 125cm hoặc 130cm - Đạt tiêu chuẩn: MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	10
287	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh	Cái	- Kích thước ống thông: từ 6F/Fr đến 8 F/Fr - Chiều dài: từ 80 cm đến 110 cm. - Hình dạng đầu tip: Angled, straight. - Đạt tiêu chuẩn: MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	10
288	Ống thông chẩn đoán mạch não, mạch gan, tạng có phủ lớp ái nước các cỡ	Cái	- Độ dài đoạn phủ lớp ái nước cho ống thông: 15cm, 25cm hoặc 40cm đoạn xa - Kích thước: 5Fr với đường kính trong 1.1 mm - Chiều dài: 65 cm-150cm - Hình dạng đầu tip: Cobra, Mani, Simons, Yashiro type. - Xuất xứ: G7	100
289	Ống thông chụp mạch não	Cái	- Đường kính ngoài: 4 Fr/ 1.40 mm và 5 Fr / 1.70 mm - Chiều dài: 65cm, 70cm, 80cm,100cm, 110cm, 120cm, 125cm. - Đạt tiêu chuẩn MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	100
290	Ống thông chụp mạch tạng	Cái	- Kích thước: 5Fr - Chiều dài: 65 cm-110cm - Hình dạng đầu tip: Right Hepatic, Shapered Hock. - Đạt tiêu chuẩn MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	100
291	Ống thông chuyên dụng can thiệp thần kinh loại mềm	Cái	- Đường kính ngoài 6F. - Đường kính trong $\geq 0.071"$. - Chiều dài: 95cm, 105cm, 115cm. - Loại đầu thẳng và đầu MP - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	10
292	Ống thông chuyên dụng dùng trong can thiệp mạch và mạch ngoại biên cỡ 10F	Cái	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	2
293	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên tắc mãn tính	Cái	- Đường kính: 0.014", 0.018", 0.035". - Chiều dài: 90cm, 135cm, 150cm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	100
294	Ống thông dẫn đường can thiệp thần kinh và ngoại biên loại 8F	Cái	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	10
295	Ống thông dẫn đường nòng kép các loại	Cái	Ống thông dẫn đường có 2 nòng có nhiều hình dạng đầu cong khác nhau, các loại: Nòng ngoài 6F đi với nòng trong 5F và nòng ngoài 5F đi với nòng trong 4F. Ống thông dài 95cm- 117cm.	20
296	Ống thông để đặt giá đỡ thay đổi hướng dòng chảy mạch não	Cái	- Đường kính ngoài đầu gần tối thiểu có cỡ 3.1Fr/3.2Fr - Đường kính ngoài đầu xa tối thiểu có cỡ 2.8Fr - Đường kính trong tối thiểu có cỡ 0.027" - Chiều dài 150cm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	5
297	Ống thông dùng trong can thiệp mạch	Cái	Kích cỡ 6F. Đường kính trong lớn 0.088". Chiều dài: 80cm; 90cm. Đường kính ngoài 8F/8F . Có loại đầu thẳng và đầu MP (có tối thiểu 4 loại) Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	50

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
298	Ống thông dùng trong can thiệp tim mạch và mạch ngoại biên (Long sheath)	Cái	- Loại 4F và 8F có chiều dài 45cm; 65cm. - Loại 6F và 7F có các chiều dài 45cm; 65cm; 90cm. - Loại 5F có chiều dài nằm trong khoảng từ 45cm- 120cm. - Phù hợp với các loại dây dẫn 0.035". - Xuất xứ: Châu Âu	50
299	Ống thông hút huyết khối	Cái	- Đường kính trong đầu xa: 0.035". Đường kính ngoài đầu xa: 3,8F - Đường kính ngoài đầu gần: 4,7F. Chiều dài làm việc: 160cm . - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	30
300	Ống thông hút huyết khối	Cái	- Đầu tip: loại thẳng, loại cong - Đường kính: 8F - Đường kính trong 6,7F. - Chiều dài 85cm và 115cm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	20
301	Ống thông hút huyết khối đoạn xa	Bộ	- Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp - Xuất xứ: G7	30
302	Ống thông hút huyết khối dùng trong can thiệp mạch	Cái	- Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F. - Đường kính trong lớn nhất đầu xa có các kích thước: 0.062"; 0.068"; 0.072". - Chiều dài ≥ 132 cm - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	20
303	Ống thông hút huyết khối mạch não	Cái	- Cấu trúc gồm 2 lớp bằng Nitinol, bên bởi 16 sợi phẳng. - Lớp phủ Hydrophilic: 60cm - Kích cỡ: bao gồm các cỡ 5F và 6F. - Đường kính trong: 0,055 inch và 0,071 inch. - Chiều dài hoạt động : 115, 125, 131 (cm) - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	20
304	Ống thông hút huyết khối phá vỡ và loại bỏ huyết khối cho động mạch và tĩnh mạch ngoại biên	Cái	- Ống dẫn tiếp cận A-V có đường kính ≥ 3.0 mm. - Truyền được dịch và thuốc vào hệ thống mạch ngoại biên trong khi hút - Đường kính mạch tối thiểu: 3,0mm - Chiều dài hoạt động: 120cm - Đường kính trục ống tối đa: 6F - Dây dẫn tương thích: 0.035" - Tương thích của cổng đường vào mạch máu: 6F	10
305	Ống thông hút huyết khối	Cái	- Ống hút huyết khối - Đường kính trong ≥ 0.071 " - Đường kính ngoài ≥ 0.085 ". - Chiều dài ≥ 132 cm.	100
306	Ống thông mang bóng can thiệp mạch máu và ngoại vi	Cái	Ống thông mang bóng can thiệp mạch thần kinh và ngoại vi - Đường kính trong 0.087" - Đường kính ngoài: 0.109"/8,3F - Chiều dài làm việc: 85cm; 95cm - Chiều dài đoạn xe: 15cm - Đường kính bóng có các cỡ: 6cm; 8cm; 10mm - Chiều dài bóng: 10mm - Thể tích bóng từ 0.2ml đến 0.6ml - Có lớp phủ ưa nước dài 19cm Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	30
307	Ống thông siêu nhỏ trợ giúp can thiệp mạch máu não	Cái	Vi ống thông siêu nhỏ đường kính trong 0.025". Đường kính ngoài đầu xa 2.6F; đầu gần 2.95F; Đầu tip: loại thẳng, Chiều dài: 160cm. Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	100
308	Ống thông siêu nhỏ trợ giúp can thiệp mạch máu não	Cái	Vi ống thông siêu nhỏ đường kính trong 0.025". Đường kính ngoài đầu xa 2.6F; đầu gần 2.95F; Đầu tip: loại thẳng, loại cong: 45 độ, 90 độ, 130 độ. Chiều dài: 150cm. Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	50

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
309	Ống thông trợ giúp can thiệp mạch ngoại vi	Cái	- Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018", 0.035" - Có 2 loại đầu thẳng và gấp góc/đầu cong - Chiều dài: 65cm, 90cm, 130cm/135cm, 150cm - Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	40
310	Vật liệu nút mạch	Lọ	- Kích thước hạt: từ 40 µm đến 1.300 µm - Xuất xứ: G7	30
311	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan	Lọ	- Kích thước hạt: 40± 10µm -100 µm - Tiêu chuẩn: CE - Xuất xứ: G7	60
312	Vi dây dẫn phủ hydrophilic (micro guide wire) đường kính 0.016"	Cái	Dây dẫn dùng cho can thiệp: - Chiều dài: 165 cm và 180 cm. - Cấu tạo thép không gỉ - Chiều dài đoạn chấn bức xạ ≥ 3cm. - Hình dáng đầu tip xa: thẳng	20
313	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu	Cái	- Lõi Nitinol, lớp ngoài Polyurethane phủ ái nước - Chiều dài dây dẫn: 180cm; 200cm - Đường kính nằm trong khoảng từ 0.012" đến 0.016" - Xuất xứ: G7	50
314	Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên	Cái	- Đường kính: ≤ 0.016" - Lớp phủ Hydrophilic trên nền polymer - Đầu tip dạng: Angled 45, Angled double, Round Curve Đạt tiêu chuẩn: MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	50
315	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch trong can thiệp tổn thương mạch ngoại biên	Cái	- Chất liệu bằng thép không gỉ. Khả năng tải đầu tip nằm trong khoảng từ 3.0gf - 4.0 gf. - Chiều dài nằm trong khoảng từ 150cm đến 300cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	50
316	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch trong can thiệp tổn thương mạch ngoại biên (CTO)	Cái	- Lõi thép không gỉ. - Chiều dài ≥ 300cm. - Đường kính ít nhất có loại 0.014" hoặc 0.018". - Độ nặng đầu xa (tip) ≥ 30.0gf - Xuất xứ G7.	50
317	Vi dây dẫn mạch máu thần kinh	Cái	- Lớp phủ hydrophilic ≥ 170cm - Đường kính 0.014" - Chiều dài: từ 200cm đến 300cm, có 2 loại đầu tip: thẳng, cong. Đạt tiêu chuẩn: MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	200
318	Vi dây dẫn mạch máu thần kinh	Cái	- Độ hiển thị của đầu xa (tip) ≤ 9 cm - Đường kính: 0.008 inch - Chiều dài ≤ 200cm - Đạt tiêu chuẩn: MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	50
319	Vi dây dẫn mạch máu thần kinh	Cái	- Độ hiển thị của đầu xa (tip) ≤ 3 cm - Đường kính: 0.010" - Đạt tiêu chuẩn: MHLW hoặc FDA	50
320	Vi dây dẫn mạch máu thần kinh	Cái	- Lớp phủ hydrophilic ≥ 170cm - Lớp phủ polymer: ≥ 150cm - Đường kính: 0.014" - Chiều dài: ≤ 200cm, có 2 loại đầu tip: cong, cong 90 độ. - Tiêu chuẩn: MHLW hoặc FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	200
321	Vi ống thông can thiệp	Cái	- Đường kính trong ≥ 0.027" - Chiều dài ống thông: 112cm hoặc 132cm.. - Đầu tip dạng: Angled 80, Multi Curve. - Đạt tiêu chuẩn MHLW.	30
322	Vi ống thông can thiệp các cỡ	Cái	- Đầu tip siêu nhỏ 1.7F hoặc 1.9F - Ống thông cấu tạo có lớp bền - Chiều dài tối thiểu ≤ 110cm, tối đa ≥ 150 cm. - Đầu tip: Cong, thẳng - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	20

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
323	Vi ống thông can thiệp các cỡ	Cái	- Đường kính đoạn xa có cỡ 1.98 Fr/2.1Fr - Đường kính đoạn gần 2.8 Fr - Chiều dài tối thiểu $\leq 112\text{cm}$, tối đa $\geq 150\text{cm}$. - Đầu tip: tối thiểu có loại thẳng, cong 45°	20
324	Vi ống thông can thiệp mạch	Cái	- Đường kính trong khoảng từ 1.7F đến 2.7F - Hình dạng: loại đầu thẳng, đầu chéch 45° , đầu cobra/cong cổ thiên nga - Chiều dài sử dụng trong khoảng từ 105cm đến 150cm - Xuất xứ: G7	20
325	Vi ống thông can thiệp mạch máu	Cái	Đường kính nằm trong khoảng 0.027"- 0.052". Chiều dài nằm trong khoảng từ 105cm đến 167cm	10
326	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Cái	- Đường kính trong $\leq 0.013"$ - Đường kính ngoài đầu xa $\leq 1.5\text{Fr}$ - Đường kính đầu gần $\leq 2.7\text{Fr}$ - Chiều dài $\geq 165\text{cm}$. - Đầu tự tách rời có các loại 1.5cm và 3cm. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	50
327	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Cái	- Chất liệu Nitinol; - Đường kính trong $\geq 0.017"$ - Chiều dài $\geq 150\text{ cm}$ - Có 2 marker ở đầu. - Đầu thẳng. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	20
328	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Cái	- Đường kính ngoài đầu gần-xa là 2.7Fr-2.4Fr; - Đường kính trong $\leq 0.021"$ - Chiều dài $\geq 153\text{cm}$. - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	100
329	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Cái	- Chất liệu Nitinol; - Đường kính trong $\geq 0.017"$ - Chiều dài $\geq 150\text{ cm}$ - Có 2 marker ở đầu - Đầu uốn sẵn 45° và 90° . - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	50
330	Vi ống thông can thiệp tổn thương phức tạp CTO cho mạch máu ngoại biên	Cái	Cấu tạo: - Thiết kế kiểu đầu tip được vuốt thon - Kiểu đầu thẳng và cong Kích thước: - Tương thích với dây dẫn 0.035" - Chiều dài từ 65cm đến 150 cm * Xuất xứ: G7	50
331	Vi ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não VIA dùng cho WEB	Cái	Vi ống thông dùng cho Stent chặn dòng chảy nội túi phình mạch não. Có các loại đường kính trong: 0.021" - 0.033", chiều dài trong khoảng từ 133cm đến 154cm.	2
332	Vi ống thông mạch não các cỡ	Cái	Vi ống thông tương thích với DMSO. Loại dài 156cm, loại dài 167cm (đường kính ngoài gần/xạ là 2.1F/1.3F, có 1 marker cân quang). Dùng thả coil hoặc bơm chất sinh học tắc mạch.	30
333	Vi ống thông mạch não các loại	Cái	Vi ống thông tương thích với DMSO. Đầu thẳng, 45° , 90° và hình chữ J. Đường kính trong từ 0,017"-0,027", đường kính ngoài đầu gần từ 2.4F-3.1F, đường kính ngoài đầu xa là 1.7F- 2.6F . Chiều dài sử dụng từ 150 cm đến 156cm.	30
334	Vi ống thông sử dụng trong động mạch nhỏ	Cái	- Vi ống thông mạch tạng và mạch ngoại vi: - Đường kính gồm trong khoảng từ: 1.7F- 2.7F. - Chiều dài trong khoảng từ 110cm đến 150cm - Hình dạng: loại đầu thẳng, đầu chéch 45° , đầu cobra/cong cổ thiên nga - Xuất xứ: G7	20
335	Vòng xoắn kim loại (coils) bít túi phình mạch não	Cái	Chất liệu platinum. Hệ thống coil 10; coil 18, đường kính coil nằm trong khoảng 0.010"- 0.0145", đường kính vòng xoắn từ 1mm đến 24mm, chiều dài coil nằm trong khoảng từ 1cm đến 68cm. Có nhiều loại coil khác nhau: Xoắn ốc, phức hợp 3D, siêu mềm 2D, siêu mềm 3D	50

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
336	Vòng xoắn kim loại (coils) bít túi phình mạch não	Cái	Vòng xoắn kim loại chất liệu Platinum, có 2 hệ thống coil 10 và coil 18, đường kính vòng xoắn từ 1mm đến 20mm, chiều dài coil từ 1cm đến 50cm.	50
337	Vòng xoắn kim loại các cỡ	Cái	Vòng xoắn bằng platinum. Đường kính sợi coil kích cỡ lớn tới 0.020". Có nhiều kích cỡ khác nhau như: 3mm ...đến 32mm, độ dài đa dạng có cỡ dài tới 60cm. Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp hoặc CE	30
338	Bộ cắt màng xơ vữa			
338.1	Bộ cắt màng xơ vữa	Cái	- Dụng cụ tương thích với dây dẫn ≤0.014" - Tương thích với dụng cụ mở đường 6F/7F - Chiều dài hệ thống nằm trong khoảng từ 114cm đến 151cm.	30
338.2	Bộ điều khiển dao cắt	Cái	Dùng cho bộ cắt màng xơ vữa	10
339	Hệ thống ống thông hút màng xơ vữa và huyết khối			
339.1	Hệ thống ống thông hút màng xơ vữa và huyết khối các loại, các cỡ	Cái	- Sheath tương thích: 7F - Chiều dài ống thông: 120cm, 135 cm, 145 cm - Guidewire tương thích: 0.014" - Tiêu chuẩn: FDA do Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ cấp	30
339.2	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.014" và 0.018" tương thích với Hệ thống ống thông hút màng xơ vữa và huyết khối	Cái	- Chất liệu lõi thép không gỉ, lớp phủ Silicone không ưa nước. - Chiều dài dây dẫn 130cm 190cm, 300 cm - Tip Taper: Short, Long, Extra Long - Loại đầu tip: Straight, J-tip - Tiêu chuẩn: CE	30
	Tổng cộng: 339 khoản			

Phụ lục II
MẪU BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo Giấy mời số: /GM-BVĐK ngày 26 tháng 1 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị)

Công ty:.....
Địa chỉ :.....
Điện thoại :..... ..
Mã số thuế:.....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, chúng tôi Công ty..... báo giá cho các hàng hoá như sau:

TT	STT tại Giấy mời chào giá	Tên hàng hóa mời chào giá	Tên hàng hóa báo giá	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Đặc tính/Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/ Số GPNK /Số phiếu tiếp nhận	Chất lượng sản phẩm	Hãng và nước sản xuất	Hãng và nước chủ sở hữu	Số lượng	Đơn giá (VNĐ) đã gồm VAT	Thành tiền (VNĐ)
1														
2														
3														
Tổng số khoản:.....														

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 150 ngày, kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2026.

Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển.

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2026
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên)